

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ TRUNG DŨNG

**TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ
THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 2**

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu trong luận văn hoàn toàn chính xác. Toàn bộ nội dung trong luận văn không sao chép của bất cứ tác giả nào, trường hợp trích dẫn tài liệu để phân tích, trình bày đều có chú thích tác giả theo đúng quy định.

Tác giả luận văn

Lê Trung Dũng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.	1
Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM.	6
1.1. Khái niệm tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm trong tố tụng hình sự.....	6
1.2. Ý nghĩa của tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	15
1.3. Các yếu tố tác động đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	18
1.4. Tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự một số nước.....	21
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG Ở CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 2.	28
2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	28
2.2. Thực tiễn tranh tụng trong xét xử sơ thẩm ở các Tòa án quân sự Quân khu 2.	42
Chương 3: YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM	56
3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.	56
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	62
KẾT LUẬN.	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.	79

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 2.1: Tổng hợp kết quả xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (7/2008-6/2018).....43
- Bảng 2.2: Kết quả hoạt động của chủ thể tham gia tranh tụng (7/2008-6/2018)...44

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
HSST	:	Hình sự sơ thẩm
KSV	:	Kiểm sát viên
TAND	:	Tòa án nhân dân
TAQS	:	Tòa án quân sự
TTHS	:	Tố tụng hình sự
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VKS	:	Viện kiểm sát
VKSNDTC	:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Cải cách tư pháp được Đảng ta xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHHCN) trong đó “Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm” [11]. Để thực hiện tốt chức năng đó, Tòa án cần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã được Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới xác định là: “Khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên (KSV), của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định” [9]

Cũng với tinh thần đó; tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Đảng ta đã xác định: “...bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”. [10]. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định: “...nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” [11]. Đối với quân đội; ngày 08/3/2007; Đảng ủy quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) cũng đã ban hành Nghị quyết số 67/NQ- ĐUQSTU về việc lãnh đạo thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong Quân đội đến năm 2020.

Thực hiện yêu cầu cải cách tư pháp do Đảng đề ra, trong những năm qua, chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm (HSST) của các Tòa án nói chung, Tòa án quân sự (TAQS) nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết án. Mặc dù Hiến pháp 2013 và Bộ

luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 đã ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử; tuy nhiên một số quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng qua thực tiễn áp dụng cũng còn có nhiều ý kiến và tranh luận khác nhau cần phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện. Bởi vậy, việc đi sâu nghiên cứu, luận giải một cách thấu đáo các quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng tại phiên tòa HSST, từ đó có nhận thức sâu sắc hơn về cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động này đồng thời chỉ ra những hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất một số nội dung hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) về tranh tụng là một việc làm rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Với lý do đó, tác giả lựa chọn đề tài *“Tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử của các Tòa án quân sự Quân khu 2”* làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tranh tụng là một nguyên tắc rất quan trọng trong TTHS và mới được Hiến pháp 2013, BLTTHS năm 2015 ghi nhận; tuy nhiên, trước đó đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này; đó là: Luận văn thạc sĩ luật học của Nguyễn Hải Ninh về *“Thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm”* (2003). Luận văn thạc sĩ luật học của Nguyễn Đức Mai về *“Vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự”* (1996). Luận văn thạc sĩ luật học của Nguyễn Mai Chi về *“Tranh luận tại phiên tòa theo yêu cầu cải cách tư pháp”* (2011). Công trình nghiên cứu *“Về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự”* của TS. Nguyễn Văn Hiến do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia- Sự thật xuất bản năm 2011. Đề tài khoa học cấp cơ sở Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) về *“Hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2003 liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm- cơ sở lý luận và thực tiễn”*, Chủ nhiệm- TS. Nguyễn Đức Mai (2011). Luận văn thạc sĩ luật học của Võ Thị Phước Hòa về *“Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật TTHS Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng”* (2017)...

Ngoài ra còn có nhiều bài báo đề cập đến nội dung nghiên cứu trên ở các góc độ khác nhau như: *“Một số vấn đề về tranh tụng trong tố tụng hình sự”* của Ths. Lê Tiến Châu (Tạp chí khoa học pháp lý, số 01/2003); *“Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo trong phiên tòa mở rộng tranh tụng”* của tác giả Cao Xuân Phong (Tạp chí Dân

chủ và Pháp luật, số 08/2003); “Vai trò của Hội đồng xét xử trong việc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự” của tác giả Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 01/2004); “Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa” của PGS. TS Trần Văn Độ (Tạp chí khoa học pháp lý, số 04/2004); “Hoàn thiện một số quy định của BLTTHS hiện hành nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm” của TS. Nguyễn Đức Mai (Tạp chí Luật học, số 7/2008); “Hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam theo yêu cầu cải cách tư pháp” của tác giả Lê Hữu Thê - Nguyễn Thị Thủy (Tạp chí Nhà nước pháp luật, số 18/2010); “Đổi mới thủ tục xét xử nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự” của tác giả Từ Văn Nhũ (Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10/2012); “Bàn về nguyên tắc hiến định: Tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” của GS. TS Trần Ngọc Đường (Báo điện tử đại biểu nhân dân-Daibieunhandan.vn; 2014)...

Những công trình nghiên cứu và bài viết trên là những tài liệu quý giá được các tác giả nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau về nguyên tắc và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST. Tuy nhiên, các nội dung nghiên cứu này đều gắn với hoạt động tranh tụng nói chung mà chưa gắn với thực tiễn tranh tụng trong xét xử của một TAQS nào. Do đó tác giả mạnh dạn nghiên cứu đề tài này nhằm góp một phần nhỏ bé vào việc hiểu sâu sắc hơn cả về lý luận và thực tiễn việc tranh tụng và áp dụng các quy định của BLTTHS về tranh tụng tại các phiên tòa HSST ở các TAQS Quân khu 2; đồng thời làm cơ sở cho việc kiến nghị những yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa HSST.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của việc nghiên cứu đề tài

Đề tài nghiên cứu, phân tích làm rõ hơn những vấn đề lý luận về tranh tụng tại phiên tòa HSST. Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật về tranh tụng và thực tiễn áp dụng các quy định này tại các TAQS Quân khu 2. Đồng thời đưa ra các yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa HSST.

3.2. Nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục đích trên, tác giả đã kế thừa có chọn lọc một số kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu:

- Làm rõ thêm khái niệm về tranh tụng tại phiên tòa HSST; đặc điểm và ý nghĩa của tranh tụng; các yếu tố tác động đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa HSST; tranh tụng tại phiên tòa HSST theo pháp luật TTHS một số nước trên thế giới;

- Phân tích các quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng trên cơ sở so sánh với quy định của BLTTHS năm 2003 và xác định những bất cập trong các quy định này.

- Đánh giá thực tiễn tranh tụng ở các Tòa án quân sự Quân khu 2; tìm ra nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc;

- Đề xuất một số yêu cầu và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa HSST nói chung và tại các phiên tòa HSST của TAQS Quân khu 2 nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu về lý luận, các quy định của pháp luật TTHS và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

- Về lý luận, đề tài nghiên cứu các quy định chung về tranh tụng tại phiên tòa HSST, có đề cập nghiên cứu thêm một số nội dung về tranh tụng tại phiên tòa hình sự của một số nước.

- Về thực tiễn, đề tài nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng có so sánh với các quy định của BLTTHS năm 2003; đánh giá thực tiễn việc tranh tụng tại các phiên tòa xét xử HSST đối với các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của các TAQS Quân khu 2 trên địa bàn 09 tỉnh biên giới Tây Bắc trong 10 năm từ 7/2008 đến 6/2018 thông qua việc phân tích một số bản án hình sự sơ thẩm, biên bản phiên tòa và thông báo kiểm tra án.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài được tác giả dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về nhà nước, pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp...

Quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tranh tụng tại phiên tòa; phương pháp so sánh, đối chiếu quy định của BLTTHS Việt Nam và một số nước trên thế giới nhằm tham khảo, tiếp thu kinh nghiệm khi đưa ra đề xuất kiến nghị; phương pháp tổng hợp để tổng hợp các vấn đề nghiên cứu nhằm đưa ra những nhận định và kết luận. Để nghiên cứu thực tiễn, tác giả sử dụng phương pháp quan sát, phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phương pháp thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận, luận văn góp tiếng nói khoa học khiêm tốn vào hoàn thiện nhận thức về tranh tụng tại phiên tòa HSST, có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập và nghiên cứu về TTHS. Về mặt thực tiễn, thông qua kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của tranh tụng tại các phiên tòa HSST nói chung và các phiên tòa HSST của TAQS nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 03 chương:

- Chương 1: Các vấn đề lý luận về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm
- Chương 2: Thực trạng pháp luật về tranh tụng và thực tiễn tranh tụng ở các Tòa án quân sự Quân khu 2
- Chương 3: Yêu cầu và các giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Chương 1
CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRANH TỤNG
TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1. Khái niệm tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm trong tố tụng hình sự

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.1.1.1. Khái niệm tranh tụng trong tố tụng hình sự

Tranh tụng trong TTTHS là một phạm trù rộng, liên quan đến cả quá trình tố tụng từ điều tra, truy tố đến xét xử và hiện nay còn có nhiều ý kiến, tranh luận khác nhau giữa các nhà nghiên cứu. Dưới góc độ ngôn ngữ, theo nghĩa Hán- Việt, “tranh tụng” là sự kết hợp giữa hai từ “tranh luận” và “tố tụng”, vì vậy tranh tụng có nghĩa là tranh luận trong tố tụng. Tranh luận là tranh cãi, bàn luận để tìm ra lẽ phải, tố tụng là việc giải quyết tranh chấp giữa các bên theo trình tự, thủ tục luật định. Trong tiếng Việt, tranh tụng là “thừa kiện nhau để giành lẽ phải” [3, tr.1966]. Trong tiếng Anh, tranh tụng (*litigate against one another*) [4, tr.1142] tức là khởi kiện hay cáo buộc người khác. Trong tiếng Pháp, tranh tụng (*se poursuivre en justice*) [51, tr.1016] tức là các bên kiện tụng hay cáo buộc lẫn nhau. Như vậy, về ngôn ngữ, tranh tụng là sự kiện tụng hay cáo buộc lẫn nhau giữa các bên có lợi ích đối lập nhau. Dưới góc độ pháp luật thì “Tranh tụng là các hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu thập, đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía đối lập” [50, tr. 808].

Tranh tụng trong TTTHS là một khái niệm quen thuộc và là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTTHS đã được áp dụng phổ biến ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh - Mỹ cũng như châu Âu lục địa. Với Việt Nam, kể từ BLTTHS năm 2003 trở về trước, chúng ta chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc trong TTTHS mà các yếu tố của tranh tụng được quy định lồng ghép trong các nguyên tắc khác của BLTTHS.

Dưới góc độ pháp lý thì tranh tụng chỉ diễn ra trong quá trình tố tụng, do đó tranh tụng trong TTTHS cần được hiểu theo ba nghĩa (quá trình tranh tụng, nguyên tắc tranh tụng và mô hình tranh tụng) trong đó vấn đề tranh tụng (quan niệm, phạm vi, giới hạn, vai trò vị trí của chủ thể tham gia tranh tụng...) lại bị chi phối bởi mô

hình tố tụng. Tham khảo pháp luật TTHS của một số nước cho thấy, hiện nay cơ bản đang tồn tại ba mô hình:

- Với các nước theo hệ thống án lệ (*common law*) như Anh, Mỹ, Úc và một số quốc gia chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật Anh- Mỹ áp dụng theo mô hình tố tụng tranh tụng trong đó có sự phân chia rạch ròi giữa ba chức năng: buộc tội, bào chữa và xét xử. Tòa án hầu như không xét hỏi mà chỉ điều khiển phiên tòa, nghe các bên tranh tụng và đóng vai trò là trọng tài phán quyết. Việc tranh tụng giữa bên buộc tội và bào chữa chỉ được diễn ra tại Tòa án.

- Với các nước theo hệ thống luật lục địa (*legal law*) ở châu Âu lục địa, các nước Mỹ La tinh và một số nước châu Á áp dụng mô hình tố tụng thẩm vấn (xét hỏi) trong đó đề cao vai trò của Thẩm phán không những trong xét xử mà cả trong quá trình điều tra, thẩm tra chứng cứ. Tòa án không chỉ là trọng tài mà còn tích cực tham gia vào quá trình chứng minh; vai trò của buộc tội và bào chữa khá mờ nhạt. Phiên tòa theo mô hình này không phải là cuộc tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội mà thực chất vẫn là sự tiếp tục của việc điều tra, thẩm định chứng cứ để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Các yếu tố tranh tụng giữa các chủ thể buộc tội (cơ quan điều tra, công tố) và bên bào chữa (bị can, người bào chữa) tuy không nhiều nhưng có thể đã diễn ra trước khi Tòa án mở phiên tòa.

- Mô hình tố tụng hỗn hợp là sự kết hợp giữa các yếu tố của mô hình tranh tụng và thẩm vấn được áp dụng tại Pháp, Nga, Trung Quốc... trong đó vai trò của luật sư được coi trọng hơn trong các giai đoạn tố tụng. Tòa án vẫn có trách nhiệm chứng minh và phiên tòa xét xử là giai đoạn điều tra công khai do Thẩm phán giữ vai trò chủ đạo. Các yếu tố tranh tụng không chỉ diễn ra tại Tòa án mà có thể đã được các chủ thể bên buộc tội, bào chữa thực hiện ở giai đoạn trước đó.

Trong giới khoa học, hiện cũng còn nhiều quan điểm khác nhau về tranh tụng; theo đó “Tranh tụng là quá trình tranh luận, trao đổi giữa các bên. Trong tranh tụng, các quan điểm pháp lý khác nhau được cọ sát và chân lý khách quan xuất hiện” [17, tr.126]; “Tranh tụng trong TTHS được hiểu là quá trình đối trọng bình đẳng nhằm phủ định lẫn nhau giữa chức năng buộc tội và bào chữa” [30] hay “Tranh tụng là quá trình tồn tại, vận động và đấu tranh giữa hai chức năng đối trọng nhau, có quyền ngang nhau trong việc bảo vệ ý kiến, lập luận, lợi ích của phía bên kia: chức năng buộc tội và chức năng bào chữa [21, tr.7].

Từ các mô hình và những ý kiến, quan điểm về tranh tụng nêu trên cho thấy; dù thể hiện dưới hình thức nào, ở giai đoạn nào trong quá trình TTTHS thì ít hay nhiều, các mô hình trên đều tồn tại yếu tố tranh tụng bởi chỉ có tranh tụng thì mới là đảm bảo cao nhất cho việc Tòa án xác định sự thật khách quan của vụ án. Như vậy, tranh tụng trong TTTHS thực chất là quá trình đối chọi bình đẳng nhằm phủ định lẫn nhau giữa chức năng buộc tội và bào chữa ở các giai đoạn khác nhau của quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Từ sự phân tích nêu trên có thể thấy rằng, tranh tụng trong TTTHS là quá trình tranh luận bình đẳng, công khai về chứng cứ của vụ án và quan điểm áp dụng pháp luật giữa các chủ thể của bên buộc tội và bên bào chữa tham gia vào quá trình TTTHS nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo xử lý vụ án đúng pháp luật.

1.1.1.2. Khái niệm phiên tòa hình sự sơ thẩm

Phiên tòa HSST là hình thức tố tụng của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; đó là hình thức hoạt động của Tòa án ở cấp thấp nhất để xem xét và ra phán quyết lần đầu về toàn bộ vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

Phiên tòa HSST là nơi mà các bên thực hiện chức năng tố tụng của mình một cách công khai và đầy đủ nhất. KSV tại phiên tòa là người thực hiện chức năng buộc tội - thực hành quyền công tố tại phiên tòa; bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện chức năng bào chữa theo các quy định của pháp luật TTTHS. Và cuối cùng, Tòa án nhân danh Nhà nước thực hiện chức năng xét xử- là chủ thể phán xét, xác định bị cáo có tội hay không có tội cũng như áp dụng loại và mức hình phạt cụ thể trong trường hợp bị cáo có tội. Như vậy, bản chất của hoạt động xét xử tại phiên tòa HSST chính là sự kiểm tra, đánh giá kết quả của hoạt động điều tra, truy tố trước đó để quyết định ra một bản án đúng quy định của pháp luật.

1.1.1.3. Khái niệm tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Từ các nội dung nêu trên cho thấy, nếu tranh tụng trong TTTHS là sự đối trọng nhằm phủ định lẫn nhau giữa bên buộc tội và bên gỡ tội thì tranh tụng tại phiên tòa HSST cũng là một giai đoạn của tranh tụng trong TTTHS và ở giai đoạn này tranh tụng cũng là sự đối trọng nhằm phủ định lẫn nhau giữa bên buộc tội và gỡ tội nhưng sự khác biệt ở đây là đã có sự xuất hiện của Tòa án với vai trò là trọng tài

của hai bên tranh tụng. Vì vậy, phiên tòa HSST là nơi mà các bên thực hiện chức năng tố tụng của mình một cách công khai và đầy đủ nhất bởi đây là nơi hội tụ đầy đủ ba chức năng cơ bản của TTHS là: buộc tội, bào chữa và xét xử. Các chức năng này có mối liên hệ mật thiết, hữu cơ với nhau trong đó chức năng buộc tội và bào chữa đồng thời được thực hiện công khai, cạnh tranh bình đẳng với nhau bởi tranh tụng không chỉ là yêu cầu của việc bảo đảm tính dân chủ, công bằng, bình đẳng giữa những người tham gia tố tụng với bên buộc tội (Viện kiểm sát- VKS) trong việc đưa ra chứng cứ, phân tích lập luận chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình mà kết quả tranh tụng tại tòa chính là căn cứ để HĐXX, bên buộc tội và bên bào chữa xác định sự thật vụ án được khách quan nhất.

Theo Từ điển Luật học thì “Tranh tụng tại phiên tòa là những hoạt động tố tụng được tiến hành tại phiên tòa xét xử bởi hai bên tham gia tố tụng, nhằm bảo vệ ý kiến, luận điểm của mỗi bên và bác bỏ ý kiến, luận điểm của bên kia, dưới sự điều khiển, quyết định của Tòa án với vai trò trung gian, trọng tài” [50, tr.808].

Tại phiên tòa HSST, chức năng buộc tội trực tiếp do kiểm sát viên (KSV), bị hại (trong trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu bị hại) thực hiện. KSV buộc tội thông qua bản cáo trạng, qua việc xét hỏi, luận tội và đưa ra các lý lẽ để tranh luận với bên bào chữa. Bị hại được quyền trình bày ý kiến, đưa ra các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chức năng bào chữa tại phiên tòa HSST chủ yếu do bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của (bị cáo, pháp nhân thương mại) thực hiện. Tòa án (HĐXX) không phải là một bên trong cuộc tranh tụng mà chỉ là trọng tài giữa các bên tranh tụng.

Đối với người tham gia tố tụng tham gia tranh tụng chủ yếu và tập trung nhất khi xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa (các yếu tố tranh tụng ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa chỉ là sự chuẩn bị các điều kiện cho việc tranh tụng sau đó). Giai đoạn xét hỏi, thông qua việc các bên khai báo tại tòa, xét hỏi người tham gia tố tụng khác... cũng chính là hình thức để họ thực hiện việc chứng minh những tình tiết của vụ án liên quan đến quyền, lợi ích của họ và trên cơ sở đó thực hiện việc tranh luận để bảo vệ quyền, lợi ích đó tại tòa. Giai đoạn tranh luận là thời điểm thể hiện đậm nét nhất của yếu tố tranh tụng khi các chủ thể bên buộc tội và bào chữa trên cơ sở kết quả xét hỏi tại tòa để đưa ra các ý kiến, đánh giá của mình về sự liên quan của các chứng cứ, các nội dung cần chứng minh từ đó đưa ra lập luận và căn cứ pháp

luật để khẳng định hoặc bác bỏ nội dung buộc tội của bên buộc tội hoặc nội dung bào chữa của bên bào chữa. Những người tham gia tố tụng không bị hạn chế về thời gian để trình bày ý kiến của mình về vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử (HĐXX) về các tình tiết của vụ án, nếu không đồng ý với ý kiến tranh luận của người khác thì có quyền tranh luận, đối đáp lại. Nếu qua tranh luận mà HĐXX thấy có những chứng cứ chưa được kiểm tra đầy đủ khi xét hỏi hoặc các bên xuất trình chứng cứ mới thì HĐXX quay trở lại xét hỏi để làm sáng tỏ các nội dung cần thiết. Toàn bộ quá trình tranh luận, Tòa án (HĐXX) chỉ giữ vai trò là người trọng tài, lắng nghe ý kiến của bên buộc tội và gỡ tội bởi vai trò của Tòa án (HĐXX) trong quá trình này chỉ nhằm để điều khiển cuộc tranh tụng đi đúng hướng và đánh giá các tình tiết của vụ án trên cơ sở tranh tụng của bên buộc tội với bên gỡ tội để có cơ sở cho việc ra phán quyết phù hợp, đúng pháp luật về vụ án.

Từ sự phân tích nêu trên cho thấy, tranh tụng tại phiên tòa HSST là tổng hợp những hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS được các chủ thể bên buộc tội và bên bào chữa thực hiện công khai tại phiên tòa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, lập luận của mình và phản bác chứng cứ, lập luận của bên kia về vụ án dưới sự điều khiển, quyết định của HĐXX nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận quan điểm của mình trong việc giải quyết vụ án.

Như vậy, nếu tranh tụng tại phiên tòa được khái niệm như trên thì nguyên tắc tranh tụng trong xét xử lại là những quy định của pháp luật TTHS có ý nghĩa chỉ đạo trong đó phản ánh bản chất, mục đích hoạt động tố tụng của các bên khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa. Cùng với đó, để việc xét xử được đúng pháp luật thì phiên tòa cần được bảo đảm nguyên tắc tranh tụng cùng với những điều kiện cụ thể là: quá trình tranh tụng phải được diễn ra khi có ba chủ thể (bên buộc tội, bên gỡ tội và Tòa án); bên buộc tội, bên gỡ tội phải có trình độ, năng lực và đạo đức nghề nghiệp đồng thời cần có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh cùng các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất khác.

1.1.2. Các đặc điểm của tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.1.2.1. Chủ thể tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Tại phiên tòa HSST luôn tồn tại ba chức năng cơ bản là buộc tội, bào chữa và xét xử do các chủ thể có địa vị pháp lý khác nhau thực hiện. Ba chức năng này “đan quện qua lại với nhau và trong sự thống nhất của mình, chúng bảo đảm cho

việc giải quyết vụ án được chính xác; mỗi chức năng tồn tại, vận động vì sự tồn tại vận động của hai chức năng kia. Thiếu một trong ba chức năng trên, tranh tụng tại phiên tòa sẽ không tồn tại” [22]. Do đó, “ba chức năng của TTHS (buộc tội, gỡ tội, xét xử) là ba chức năng tất yếu, tiền định” [57]. Vì vậy, cần phân biệt rõ nhóm chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa và các chủ thể có chức năng tranh tụng tại phiên tòa.

- Nhóm chủ thể có chức năng tranh tụng gồm:

+ Chủ thể thực hiện chức năng buộc tội: Viện kiểm sát (đại diện là KSV)- là chủ thể buộc tội nhân danh Nhà nước (quyền công tố); bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại (trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại)- là chủ thể buộc tội nhân danh cá nhân (quyền tư tố).

Buộc tội nhân danh nhà nước là nội dung chủ yếu của chức năng buộc tội, giữ vai trò chi phối và quyết định với toàn bộ quá trình TTHS; quyền này do nhà nước và người có thẩm quyền (VKS, KSV) thực hiện ở các mức độ khác nhau. Để tranh tụng tại phiên tòa, các chủ thể này có nhiệm vụ: thu thập các chứng cứ để truy tố bị can ra trước Tòa án bằng bản cáo trạng; tại tòa thực hiện việc xét hỏi, đề nghị HĐXX quan điểm giải quyết vụ án bằng bản luận tội; tranh luận, đối đáp với bên gỡ tội và người tham gia tố tụng...

Buộc tội nhân danh cá nhân: Có quan điểm cho rằng, chủ thể buộc tội nhân danh cá nhân gồm có bị hại, nguyên đơn dân sự; người đại diện hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự. Quan điểm khác lại cho rằng, chủ thể buộc tội nhân danh cá nhân chỉ gồm có bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại. Tác giả cho rằng: Không thể coi nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các bên có chức năng buộc tội, gỡ tội để từ đó coi những người này là các bên của cuộc tranh tụng bởi lẽ sự liên quan của họ trong vụ án và sự tham gia của họ trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa chỉ thuần túy là quan hệ dân sự và nhằm mục đích để bảo vệ quyền, nghĩa vụ của họ mà không phải vì mục đích buộc tội hay gỡ tội.

+ Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa: Bị cáo, người bào chữa; người đại diện cho bị cáo hoặc pháp nhân thương mại. Tại phiên tòa, bị cáo khai báo, cung cấp chứng cứ; tranh luận, đối đáp với bên buộc tội; người bào chữa đưa ra các

chứng cứ, các căn cứ pháp lý và lập luận để bác bỏ sự buộc tội, đưa ra các kết luận, yêu cầu và đề nghị với HĐXX về việc giải quyết vụ án.

- Chủ thể có chức năng xét xử: Gồm có HĐXX (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thẩm phán, hội thẩm) giữ vai trò trọng tài giữa bên buộc tội và bên bào chữa.

- Các chủ thể khác tham gia vào hoạt động tranh tụng nhằm giúp Tòa án xác định sự thật khách quan, giải quyết đúng đắn các vấn đề của vụ án (Thư ký phiên tòa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng, người giám định, người phiên dịch; người dịch thuật; đại diện cơ quan, tổ chức xã hội..).

1.1.2.2. Nội dung tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Nội dung tranh tụng tại phiên tòa HSST thể hiện ở việc các bên (buộc tội, gỡ tội) làm rõ và tranh luận với nhau để làm rõ các tình tiết của vụ án trên cơ sở thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, tức là tranh tụng về việc cũng như về áp dụng pháp luật dưới sự điều hành của HĐXX (Chủ tọa phiên tòa).

Tại phiên tòa, sau khi bên buộc tội nêu lên quan điểm cáo buộc của mình với bên bị buộc tội thì bắt đầu xuất hiện chức năng bào chữa của bên bị buộc tội, lúc này hai bên dưới sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa bắt đầu thực hiện việc xét hỏi để chứng minh các vấn đề trong vụ án theo quy định tại Điều 85 BLTTHS 2015 là: “Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội. Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS) hay không. Mục đích, động cơ phạm tội. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS và đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ TNHS, miễn TNHS, miễn hình phạt” [29]. Việc xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ, nghe ý kiến của các nhà chuyên môn và ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan trình bày cũng được các bên sử dụng để chứng minh cho luận điểm của mình. Thông qua việc điều tra công khai, trực tiếp của các chủ thể bên buộc tội, bên gỡ tội và HĐXX tại phiên tòa; các tình tiết về vụ án được làm sáng tỏ. Lúc này, nội dung tranh tụng mới chỉ xoay quanh các vấn đề chứng minh tính hợp pháp và giá trị chứng minh của các chứng cứ về các tình tiết của vụ án (thu thập, kiểm tra, đánh giá) chứng cứ ở các giai đoạn tố tụng trước đó và tại tòa giữa bên buộc tội với bên

gỡ tội mà chưa bộc lộ rõ quan điểm của bên buộc tội và bên bào chữa - là hai bên của cuộc tranh tụng về việc áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án.

Khi các nội dung chứng cứ cần chứng minh đã được xét hỏi đầy đủ; đỉnh điểm của quá trình tranh tụng được bắt đầu khi bên buộc tội đưa ra quan điểm đánh giá chứng cứ, lựa chọn và kết luận việc áp dụng pháp luật với bên bị buộc tội còn bên bị buộc tội cũng đưa ra quan điểm đánh giá chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với quan điểm của bên buộc tội. Dựa trên kết quả chứng minh về chứng cứ tại tòa, các bên đối chiếu với các quy định của pháp luật để chính thức lên tiếng bác bỏ, phủ nhận hay chấp nhận toàn bộ hay một phần ý kiến của bên kia về việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật. Trong giai đoạn này HĐXX chỉ lắng nghe để ghi nhận đầy đủ ý kiến của các bên trong cuộc tranh luận; Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận và phải tạo điều kiện cho các bên trình bày, đối đáp hết các ý kiến của họ. Nếu qua tranh luận mà còn có tình tiết của vụ án chưa được làm rõ thì HĐXX phải trở lại việc xét hỏi để tiếp tục quá trình chứng minh; sau đó tiếp tục duy trì các bên tiếp tục tranh luận. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc các bên tranh tụng với nhau; qua đó nhằm giúp HĐXX có được những đánh giá khách quan, toàn diện về các vấn đề cần giải quyết của vụ án làm cơ sở giải quyết vụ án được chính xác, đúng pháp luật.

1.1.2.3. Phạm vi tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Xuất phát từ bản chất của tranh tụng là sự cọ sát, phản bác lẫn nhau về việc chứng minh và áp dụng pháp luật giữa bên buộc tội và bên gỡ tội nhằm đạt được mục đích của việc tranh tụng là xác định được sự thật khách quan về vụ án làm cơ sở cho các phán quyết của HĐXX. Do đó, phạm vi tranh tụng tại phiên tòa HSST chính là giới hạn sự cáo buộc của bên buộc tội (giới hạn truy tố) với bên gỡ tội bởi chỉ khi có nội dung cáo buộc của bên buộc tội thì mới xuất hiện việc tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Giới hạn đó có thể là sự cáo buộc về tội danh, về hành vi, về đối tượng bị truy tố. Ví dụ, VKS truy tố về một hay nhiều hành vi; một hay nhiều tội, với một hay nhiều bị can; đó chính là phạm vi giới hạn để các bên tranh tụng với nhau trong phạm vi truy tố đó. Ngoài ra, về mặt trình tự thủ tục thì sự tranh tụng giữa các bên được bắt đầu sau khi Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa, tức là bắt đầu từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến xét hỏi, tranh luận, nghị án và kết thúc khi HĐXX tuyên án.

1.1.2.4. Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Mục đích của tranh tụng là để xác định sự thật khách quan của vụ án. Để đạt được mục đích đề ra, tranh tụng tại phiên tòa HSST cần được thực hiện theo một thủ tục chặt chẽ.

Trước hết, Chủ tọa phiên tòa phải thực hiện các thủ tục bắt buộc nhằm đảm bảo chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tranh tụng là: kiểm tra sự có mặt của những thành phần được triệu tập đến phiên tòa; giải quyết yêu cầu đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng; giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng cho người tham gia tố tụng; yêu cầu cam đoan của người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản. Xem xét giải quyết yêu cầu về việc triệu tập thêm người làm chứng và đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét tại phiên tòa.

Tiếp đó là thủ tục công bố bản cáo trạng của VKS, lúc này bắt đầu xuất hiện sự cáo buộc ban đầu của bên buộc tội với bên bị buộc tội do đó phát sinh thủ tục các bên theo quy định của pháp luật tiến hành xét hỏi để chứng minh các chứng cứ nhằm làm rõ các tình tiết về vụ án. Xét hỏi có thể được xem là nền tảng của việc tranh tụng khi các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dưới sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa thực hiện kiểm tra công khai các chứng cứ của vụ án để có cái nhìn toàn diện về diễn biến vụ án. Quá trình xét hỏi; HĐXX, KSV, người bào chữa có thể kết hợp công bố các lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố theo quy định của BLTTHS; xem xét vật chứng; nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; xem xét tại chỗ tại nơi xảy ra tội phạm; nghe lời trình bày, công bố báo cáo tài liệu của các cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ý kiến của các nhà chuyên môn được triệu tập tham gia phiên tòa. Ngoài ra, HĐXX tự mình hoặc theo đề nghị của người tham gia tố tụng có thể yêu cầu điều tra viên, KSV, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến để làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Sau khi các vấn đề liên quan đến vụ án đã được làm sáng tỏ và các bên tranh tụng không có ý kiến gì thì Chủ tọa phiên tòa chuyển sang tranh luận. KSV trình bày nội dung luận tội; bị cáo, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo, ý kiến phản bác đối với luận tội của KSV, đối đáp các ý kiến của KSV và chủ thể

khác có liên quan về những vấn đề, quan điểm đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án. HĐXX trong giai đoạn này lắng nghe trình bày và lập luận của các bên, hướng các bên đi vào trọng tâm vấn đề tranh luận, đối đáp với nhau theo đúng trình tự tố tụng.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được xét hỏi công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội; HĐXX tiến hành nghị án, sau đó ra bản án phán quyết về các nội dung đã được tranh tụng tại phiên tòa và đồng thời kết thúc thủ tục tranh tụng tại phiên tòa HSST.

1.2. Ý nghĩa của tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.2.1. Ý nghĩa chính trị- xã hội

Tranh tụng tại phiên tòa nói chung và phiên tòa HSST nói riêng là sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng đối với các hoạt động tố tụng nhằm nâng cao chất lượng xét xử theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW (02/01/2002) và Nghị quyết số 49/NQ/TW (02/6/2005) của Bộ Chính trị về bảo đảm và nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Do đó, ghi nhận và thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa chứng tỏ bản chất dân chủ của nhà nước ta trong việc bảo đảm phát huy cao độ quyền tự do, dân chủ của công dân theo quy định của Hiến pháp 2013 vì mục tiêu bảo vệ, phát triển con người, lấy con người là trung tâm và động lực cho sự phát triển đất nước. “Tranh tụng có nhiều yếu tố phù hợp với sự phát triển dân chủ, vì vậy tiếp nhận các yếu tố này là hướng phát triển đúng đắn trong cải cách tư pháp ở nước ta” [18]. Ngoài ra; tranh tụng tại phiên tòa HSST còn phản ánh nguyên tắc hoạt động tư pháp của nhà nước pháp quyền XHCN đó là đặt con người vào vị trí trung tâm của chính sách kinh tế, xã hội và pháp luật đồng thời cũng thể hiện tính dân chủ, nhân văn trong mối quan hệ giữa nhà nước với công dân, với con người, kể cả họ là những người có hành vi vi phạm pháp luật và bị truy tố, xét xử...

Cùng với đó, qua việc tranh tụng tại phiên tòa; khi các bên tranh luận, đánh giá về các hành vi vi phạm pháp luật về pháp lý cũng như xã hội, phân tích các quy định pháp luật cần được áp dụng đã giúp cho những người tham gia tố tụng và những người tham dự phiên tòa nâng cao nhận thức về pháp luật; xác định, định hướng giá trị trong hành vi, giúp cho họ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật. Sự tranh tụng tích cực tại phiên tòa không chỉ giáo dục công dân nâng cao nhận thức

pháp luật mà còn giáo dục lòng tin vào pháp luật, tin vào hành vi tuân thủ pháp luật của công dân và công lý. Thông qua phiên tòa dân chủ công khai, những người tham gia tố tụng được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền tố tụng của mình, các quyết định của Tòa án được đưa ra trên cơ sở các chứng cứ đã được các xem xét, đánh giá công khai tại tòa thì việc xét xử của Tòa án sẽ đem lại cho những người tham gia tố tụng, những người tham dự phiên tòa niềm tin vào pháp luật và công lý. Lòng tin đó là cơ sở quan trọng để mỗi công dân phát huy ý thức tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia vào các hoạt động phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

1.2.2. Ý nghĩa pháp lý

Việc thực hiện tranh tụng trong xét xử là sự thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đường lối cải cách tư pháp, là sự thể chế hóa quy định tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013 về đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử của Tòa án; từ đó là cơ sở cho việc thay đổi, bổ sung các quy định khác của pháp luật TTHS nhằm đảm bảo dân chủ, bình đẳng trong hoạt động TTHS nói chung và tố tụng tại phiên tòa HSST nói riêng.

Trước hết, tranh tụng góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án bởi tranh tụng thực chất là hình thức tố tụng mà trong đó bên buộc tội và bên gỡ tội thực hiện việc chứng minh các tình tiết của vụ án tại phiên tòa thông qua việc hỏi, khai báo, thu thập, kiểm tra, tranh luận, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa. Do đó, tranh tụng làm cho các yếu tố của vụ án như chứng cứ, lời khai... của các bên được chứng minh rõ ràng, đồng thời cũng tìm ra những điểm mâu thuẫn của chứng cứ và điều này là căn cứ để tìm ra sự thật dưới những cách đánh giá khác nhau đem lại cái nhìn khách quan, toàn diện về vụ án.

Cùng với đó, việc tranh tụng tại phiên tòa HSST khi có sự bình đẳng giữa các chủ thể trong việc thực hiện chức năng gỡ tội, buộc tội và chức năng xét xử sẽ làm giảm, tiến tới loại trừ các vụ án oan sai, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. “Trong quan hệ tranh tụng, quyền và lợi ích của cá nhân dường như được đảm bảo hơn... phương pháp đối tụng trong phiên tòa và việc san sẻ nghĩa vụ chứng minh tạo bảo đảm cho tố tụng có tính khách quan, công khai, công bằng...”[52]. Thực tiễn đã chứng minh, chân lý khách quan chỉ được làm sáng tỏ khi có sự tranh luận và giải quyết các mâu thuẫn khi có những quan điểm

khác nhau. Chân lý sẽ không xuất hiện nếu trong TTHS chỉ đơn thuần có bào chữa hoặc buộc tội vì “sự thống nhất giữa hai mặt đối lập đó chính là nơi hội tụ của chân lý, tức là sự thật khách quan của vụ án” [53]. Tranh tụng tại phiên tòa HSST thực chất là quan điểm phản biện lại sự buộc tội và gỡ tội; từ sự phản biện đó; Tòa án (HĐXX) mới có đủ cơ sở để xác định sự thực khách quan của vụ án và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bởi lẽ, các phán quyết của Tòa án tác động rất lớn đến xã hội và công dân, trong đó có quyền tự do thân thể, tính mạng, tài sản, danh dự nhân phẩm, quyền và lợi ích của tập thể, cá nhân... và thậm chí có những quyền khi bị mất đi (quyền được sống) sẽ không thể khôi phục lại được. Vì vậy, việc tranh tụng tại phiên tòa còn khẳng định sự song song tồn tại hai chức năng không thể thiếu của TTHS (buộc tội, gỡ tội) bên cạnh chức năng xét xử. Không những vậy, hai chức năng này còn đối lập và chế ước lẫn nhau tạo ra một cơ chế đối tụng dân chủ, công khai có hiệu quả trong hoạt động tố tụng với mục đích chung là làm cơ sở cho Tòa án giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, đúng pháp luật.

Mặt khác, trong một nhà nước pháp quyền thì tính dân chủ và nhân đạo trong các chủ trương và chính sách của nhà nước phải được cụ thể hóa vào pháp luật. Vì vậy, bảo đảm quyền bình đẳng giữa bên buộc tội và gỡ tội, tăng cường hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, thực hiện tốt nguyên tắc suy đoán vô tội ... là các nội dung phản ánh tính nhân văn sâu sắc trong hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân là xu thế đang được đề cao trong hệ thống pháp luật của nước ta cũng như quốc tế. Do đó, thực hiện tốt tranh tụng trong xét xử cũng là một nội dung quan trọng góp phần vào việc xây dựng nền tư pháp dân chủ, công bằng, vì con người, vì công lý.

Đảm bảo và thực hiện có chất lượng việc tranh tụng tại phiên tòa HSST còn tạo sự chuyên biến mạnh mẽ cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn cho các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng bởi tranh tụng không phải chỉ được áp dụng tại Tòa án mà nó còn tạo ra môi trường dân chủ, bình đẳng trong quan hệ tố tụng, buộc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ điều tra, truy tố đến xét xử phải nâng cao trình độ năng lực pháp luật. Khắc phục việc chủ quan, duy ý chí trong nhận thức và áp dụng pháp luật; đề cao vai trò quyền con người, quyền công dân ở từng giai đoạn tố tụng bởi chính điều đó sẽ là đảm bảo vững chắc cho một nền tư pháp dân chủ, công bằng vì công lý.

Đối với người tham gia tố tụng, tranh tụng tại phiên tòa là cơ hội để họ dân chủ, công khai phát huy tối đa quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quan hệ với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đồng thời mở ra cho họ những cơ hội quyền được hỗ trợ tư pháp tối đa từ phía các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp (luật sư, trợ giúp viên pháp lý).

1.3. Các yếu tố tác động đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.3.1. Chất lượng quy phạm pháp luật về tranh tụng

Chất lượng quy phạm pháp luật về tranh tụng là một yếu tố quan trọng tác động đến việc thực hiện tranh tụng trên thực tế bởi nếu các quy định của pháp luật về tranh tụng được xây dựng đảm bảo phát huy tốt quyền tự do, dân chủ của con người; sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các bên trong tranh tụng thì sẽ có một phiên tòa khách quan, đúng pháp luật và được xã hội thừa nhận. Do đó, để đảm bảo chất lượng tranh tụng tại phiên tòa thì ngoài việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, các quy định của pháp luật TTHS cần được xây dựng theo hướng nhằm đảm bảo thực hiện chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử phải độc lập với nhau và do các chủ thể khác nhau thực hiện. Cùng với đó phải bảo đảm sự bình đẳng về địa vị pháp lý giữa bên buộc tội và gỡ tội về việc thu thập, đưa ra chứng cứ, yêu cầu và tranh luận các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án trước Tòa án. Tòa án chỉ giữ vai trò trọng tài, trung lập và có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để bên buộc tội, bên gỡ tội thực hiện các chức năng của mình. Cùng với đó, các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục TTHS cũng cần được hoàn thiện và dễ hiểu, dễ thực hiện.

Như vậy, tranh tụng trong TTHS nói chung và tại phiên tòa nói riêng cần phải đảm bảo cho các chủ thể đầy đủ các phương tiện pháp lý cần thiết, tương xứng và phù hợp với nhau để có thể thực hiện được chức năng của mình. Sẽ được coi là không bình đẳng khi pháp luật dành cho một bên quá nhiều phương tiện còn bên kia lại quá ít. Không nên quan niệm rằng vì bên buộc tội (công tố) là đại diện cho nhà nước còn bên bào chữa chỉ đại diện cho quyền lợi của cá nhân nên không thể bình đẳng được. Mặt khác, tư tưởng bình đẳng này không phải chỉ cần thể hiện ở tại phiên tòa mà còn phải được đảm bảo từ trước khi mở phiên tòa, tức là các bên phải được đảm bảo đầy đủ các điều kiện về mặt pháp lý cụ thể ngay từ đầu trong việc

chuẩn bị các điều kiện cho cuộc tranh tụng tại phiên tòa bởi nếu bên buộc tội và bên bào chữa không thực sự bình đẳng và Tòa án không độc lập trong quá trình xét xử thì sẽ không có tranh tụng hoặc chỉ là tranh tụng hình thức.

1.3.2. Tổ chức hệ thống tư pháp hình sự và các chế định hỗ trợ tư pháp

Trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay, để “Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm” và “nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” [11] thì vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vấn đề là mô hình tố tụng chúng ta lựa chọn theo hướng nào bởi mô hình tố tụng thẩm vấn hay tranh tụng đều có ưu điểm và hạn chế của nó. Theo tác giả, mô hình TTHS nước ta hiện nay là mô hình tố tụng mà nền tảng là thẩm vấn nhưng tăng cường, kết hợp nhiều hơn các yếu tố tranh tụng, tập trung nhất là tranh tụng tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự là phù hợp. Ngoài ra, chức năng của các chủ thể, hệ thống hỗ trợ tư pháp...được quy định như thế nào cũng là những đảm bảo quyết định đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Mục đích cuối cùng là để các cơ quan tư pháp bằng việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động tố tụng có thể đảm bảo sự bình đẳng, công khai, chặt chẽ trong việc thực hiện tốt địa vị pháp lý (quyền và nghĩa vụ tố tụng) của mình cũng như của người tham gia tố tụng. Muốn vậy, cần tổ chức lại hệ thống các cơ quan tư pháp đủ về số lượng cán bộ, phân định rõ địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào quá trình TTHS gắn với chức năng mà các chủ thể này thực hiện tại tòa án theo ba nhóm: chủ thể bên buộc tội; chủ thể bên bào chữa; Tòa án và các chủ thể tham gia tố tụng khác. Đồng thời xác định lại chức năng của cơ quan điều tra, VKS, Tòa án và các tổ chức hỗ trợ tư pháp khác (luật sư; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp...). Mở rộng nguồn bổ nhiệm KSV, Thẩm phán không chỉ đối với cán bộ đang công tác trong ngành mà còn cả với những người là luật gia, luật sư nếu họ đáp ứng đủ yêu cầu của pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giám định, định giá tài sản... để đảm bảo cơ sở cho thực hiện tranh tụng có hiệu quả tại phiên tòa.

1.3.3. Trình độ, năng lực của các chủ thể tranh tụng

Trình độ, năng lực về chuyên môn nghiệp vụ; nhận thức về tranh tụng và yêu cầu cải cách tư pháp của các chủ thể trong hoạt động TTHS cũng là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tranh tụng. Tranh tụng chỉ thực sự được thực hiện có

hiệu quả khi các chủ thể bên tranh tụng (buộc tội, bào chữa); Tòa án (HĐXX) có đầy đủ năng lực, kiến thức pháp luật, kỹ năng tiến hành tố tụng. Do đó, cùng với việc phải thường xuyên học tập, bổ sung kiến thức pháp luật; đường lối quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp; các chủ thể tranh tụng cũng cần nâng cao kỹ năng tố tụng, đạo đức nghề nghiệp trong việc áp dụng pháp luật để xây dựng văn hóa pháp lý trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa đồng thời đảm bảo tối đa quyền con người, quyền công dân của những người tham gia tố tụng.

Cùng với đó, các chủ thể tranh tụng cũng cần rèn luyện bản lĩnh nghề nghiệp, trau dồi kinh nghiệm công tác để thực hiện tốt vai trò của mình trong hoạt động tố tụng; tránh bị ảnh hưởng, tác động của các yếu tố khác đến việc thực hiện nhiệm vụ.

1.3.4. Các bảo đảm cho việc tranh tụng

Ngoài các yếu tố nêu trên, sự độc lập của Tòa án; sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội thẩm khi xét xử cũng là một yếu tố ảnh hưởng lớn đến chất lượng tranh tụng. Sự độc lập đó trước hết phụ thuộc vào sự ảnh hưởng đến Tòa án nói chung và thẩm phán xét xử nói riêng trước những tác động của tổ chức, cá nhân khác vào việc xét xử. Tiếp đó là độc lập ngay giữa thẩm phán và hội thẩm trong cùng một HĐXX khi tiến hành tố tụng tại phiên tòa. “Đối với quan tòa, thì không có cấp trên nào khác cả ngoài luật pháp” [6, Tr.102]. Do đó, chừng nào Tòa án chưa được độc lập với cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp về tổ chức, nhân sự, ngân sách hoạt động... thì sự can thiệp của các cơ quan nhà nước khác vào việc xét xử độc lập của Tòa án còn xảy ra. Mặc dù tại khoản 2 Điều 103 Hiến pháp 2013 đã quy định “nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”[26], nhưng trong một xã hội với vô vàn các mối quan hệ đan xen chằng chéo về lợi ích như hiện nay thì sự can thiệp đó đã được biến tướng thành vô vàn kiểu khác nhau và đang trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội thẩm.

Đối với KSV tham gia tố tụng tại phiên tòa, cần tăng thẩm quyền cho KSV trong việc quyết định thay đổi quan điểm truy tố, luận tội cho phù hợp với diễn biến thực tế tại phiên tòa. KSV phải là người chịu trách nhiệm về kết luận của vụ án chứ không phải Viện trưởng...cũng là một yêu cầu cần thiết cho việc đảm bảo chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

Cùng với các yếu tố trên thì việc đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động của các cơ quan tư pháp đồng thời xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho những người tiến hành tố tụng cũng là một trong những yêu cầu nhằm thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa.

1.4. Tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự một số nước

1.4.1. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Đặc điểm của TTHS Hoa Kỳ là mô hình tranh tụng và hoạt động tranh tụng chỉ được bắt đầu từ giai đoạn xét xử tại Tòa án bởi họ cho rằng chân lý khách quan của vụ án sẽ được mở ra qua sự tranh luận cởi mở, bình đẳng của các chủ thể tại phiên tòa. Đó là cuộc tranh đấu trong việc lập luận và đưa ra chứng cứ từ phía buộc tội và phía bào chữa; do đó cũng không có hồ sơ vụ án được lập trước đó. Vì vậy phiên tòa diễn ra dân chủ, sinh động với trách nhiệm đưa ra chứng cứ buộc tội thuộc về công tố viên và bên bào chữa có trách nhiệm chứng minh sự vô tội. “Mỗi bên sẽ trình ra trước toà “sự thật của mình” và Thẩm phán cùng với Bồi thẩm đoàn sẽ quyết định xem “sự thật” nào có tính thuyết phục hơn” [1, Tr 126]. Các chức năng cơ bản trong TTHS ở Hoa Kỳ được phân định rạch ròi, Tòa án có vị trí trung tâm thực hiện chức năng xét xử. Do đó vị trí và vai trò của Thẩm phán, công tố viên và phía bào chữa được bình đẳng trong thực hiện quyền, nghĩa vụ do pháp luật quy định, đặc biệt là quyền đưa ra chứng cứ để chứng minh. “Bị can có quyền từ chối cung khai, từ chối đưa ra bất cứ chứng cứ nào. Thay vào đó bị can có quyền lập luận rằng công tố viên đã không đưa ra chứng cứ nào để kết luận tội...nếu công tố viên không chứng minh được lý lẽ của mình thì bị can được tha bổng”[5]. Hoạt động xét xử của Thẩm phán có tính độc lập cao, không thể bị can thiệp từ phía cơ quan nhà nước khác.

Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa ở Hoa Kỳ không phân chia thành xét hỏi và tranh luận như ở Việt Nam mà việc thẩm vấn bị cáo tại phiên tranh tụng được tiến hành bởi công tố viên và người bào chữa với tính đối tụng rất cao; thẩm phán có vai trò mờ nhạt trong hoạt động này (đây là điểm khác với thủ tục tranh tụng ở Việt Nam). Tại phiên tòa, Thẩm phán làm nhiệm vụ điều khiển phiên tòa, hướng dẫn luật áp dụng cho Bồi thẩm đoàn, mà không được can thiệp vào quá trình cung cấp chứng cứ và lập luận của bên buộc tội và bên bào chữa. Thẩm phán không hoặc

rất ít khi tham gia thẩm vấn, điều tra mặc dù họ có quyền đó vì vậy Thẩm phán luôn giữ vai trò trung lập, người trọng tài trong việc tranh tụng. Ngay cả việc triệu tập người làm chứng cũng do bên buộc tội và bào chữa quyết định mà không phải là Tòa án để bảo đảm được tính khách quan vì nếu Tòa án quyết định việc này thì có thể dẫn đến sự thiên vị trong việc chứng minh. “Bị hại và bị cáo đều được triệu tập với tư cách là người làm chứng ra phiên tòa” [5] và tại tòa việc thẩm vấn kết hợp với thủ tục cách ly người làm chứng rất được coi trọng. Bồi thẩm đoàn mặc dù có thẩm quyền phán quyết bị cáo có tội hay không, nhưng không tham gia vào quá trình tranh tụng...

Với những yếu tố đặc trưng đó, các chức năng cơ bản trong TTHS ở Hoa Kỳ được phân định rõ ràng trong đó Tòa án có vị trí trung tâm thực hiện chức năng xét xử. Vị trí, vai trò của thẩm phán, công tố viên và bên bào chữa được bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định và với chế định bổ nhiệm thẩm phán suốt đời nên hoạt động xét xử của thẩm phán có tính độc lập cao vì không thể bị can thiệp từ phía các cơ quan nhà nước khác.

Tuy nhiên, điểm hạn chế của mô hình này là nhà nước sẽ khó khăn trong kiểm soát tội phạm, tội phạm có thể bị bỏ lọt; nhà nước phải tiêu tốn nhiều thời gian và chi phí tố tụng...

1.4.2. Cộng hòa Pháp

Khác với Hoa Kỳ, mô hình TTHS của Pháp là thẩm vấn nhưng có đan xen những yếu tố hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng; quá trình giải quyết vụ án coi trọng phương pháp hỏi cung bị can để tìm sự thật vụ án qua thẩm vấn. Thẩm phán có nhiều quyền hạn trong đó có cả kiểm tra chứng cứ, kiểm tra người làm chứng (là các nội dung thuộc về chức năng buộc tội của công tố viên). Tòa án có quyền định hướng điều tra, các chứng cứ được thu thập trước khi mở phiên tòa đòi hỏi phải đầy đủ, nếu không Thẩm phán sẽ hoãn phiên tòa để trả hồ sơ cho Viện công tố điều tra bổ sung.

Bộ luật TTHS của Pháp (có hiệu lực từ năm 1958), qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung; tại Chương 6 quy định về “Thủ tục tranh luận tại phiên tòa” có chứa đựng các quy định về thủ tục xét hỏi hoặc chứa đựng yếu tố vừa xét hỏi vừa tranh luận vì ở Pháp coi việc xét hỏi là thể hiện sự tranh luận, là thủ tục của quá trình tranh luận tại phiên tòa. Tại các Điều 309, Điều 310, Điều 311 và Điều 312 quy định về hoạt động

tranh luận như sau: “Chủ tọa phiên tòa giữ gìn trật tự phiên tòa và điều khiển phiên tranh luận; chủ tọa phiên tòa được áp dụng mọi biện pháp cần thiết để xác định sự thật của vụ án; có quyền ra lệnh áp giải bất cứ người nào đến để lấy lời khai và cung cấp tài liệu; các Thẩm phán thành viên HĐXX và bồi thẩm có thể hỏi bị cáo và người làm chứng nhưng phải được Chủ tọa phiên tòa cho phép. Đại diện Viện công tố, bị cáo, nguyên đơn dân sự, luật sư của các bên được tham gia xét hỏi nhưng phải thông qua Chủ tọa phiên tòa” [20].

Người làm chứng bắt buộc phải tuyên thệ trước khi khai báo; Chủ tọa quyết định hỏi từng người một; tuy nhiên công tố viên và các đương sự có thể phản đối việc lấy lời khai của một người làm chứng nào đó nếu người làm chứng này không được tổng đạt hoặc tổng đạt không hợp lệ. Nếu việc phản đối có căn cứ thì Chủ tọa phiên tòa quyết định rằng lời khai của người làm chứng chỉ có giá trị là thông tin mà không có giá trị buộc tội. Người làm chứng phải ở lại phòng xử án cho đến khi kết thúc phiên tòa (Điều 330, Điều 331, Điều 332). Trong quá trình xét hỏi, Chủ tọa phiên tòa có thể cho bị cáo hoặc những người làm chứng xem xét các vật chứng và nghe lời nhận xét của họ (Điều 341). Ngoài ra, đại diện viện công tố, bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền yêu cầu Chủ tọa phiên tòa cho người làm chứng tạm thời rời khỏi phòng xử án, để nghe những lời khai khác, sau đó cho họ trở lại cung khai, dù có thể xảy ra việc đối chất hay không (Điều 338).

Tổ tụng hình sự của Pháp coi trọng việc xét hỏi người làm chứng vì cho rằng lời khai của người làm chứng có giá trị chứng minh cao. Người làm chứng cũng được Chủ tọa phiên tòa cho cách ly khỏi phòng xử án để hỏi riêng từng người làm chứng. Khác với Hoa Kỳ, TTHS của Pháp cho phép Thẩm phán và Bồi thẩm đoàn ghi chép những điểm quan trọng trong lời khai của người làm chứng, lời bào chữa của bị cáo (Điều 340). Việc các chủ thể tham gia xét hỏi bày tỏ quan điểm, chính kiến của mình trong quá trình xét hỏi là điều cấm của TTHS Pháp; việc ghi chép của bị cáo và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa không được quy định là quyền...

Khi các tình tiết của vụ án được làm rõ thì kết thúc xét hỏi; bị hại và nguyên đơn dân sự (hoặc luật sư của họ) được trình bày ý kiến, viện công tố trình bày lời kết luận của mình; lưu ý chỉ là lời kết luận chứ không phải lời luận tội như Việt Nam và cũng khác nữa là bị hại trình bày trước công tố (khác với Việt Nam là công tố trình bày lời luận tội trước, bị hại trình bày lời buộc tội sau); bị cáo (hoặc luật sư

của họ) trình bày lời bào chữa. Và do TTTHS Pháp coi trọng kết quả của giai đoạn xét hỏi nên phân thủ tục đối đáp khi các bên đưa ra các kết luận buộc tội và gỡ tội là khá đơn giản, đó là “Nguyên đơn dân sự và Viện công tố được quyền đáp lại, nhưng bị cáo hay luật sư của bị cáo luôn được nói lời sau cùng” (Điều 346)...

Khái quát các đặc điểm trên có thể thấy, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa HSST ở Pháp cơ bản cũng khá giống với Việt Nam khi Chủ tọa phiên tòa vẫn là người xét hỏi chính để làm rõ chứng cứ trong khi đó vai trò của Viện công tố và người bào chữa, các chủ thể khác trong xét hỏi lại mờ nhạt hơn. Ưu điểm của mô hình này là kiểm soát và trấn áp được tội phạm và nhiệm vụ tìm ra chân lý khách quan của vụ án được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, mô hình này cũng có hạn chế là các phiên tòa ở Pháp thường ngắn, kém sinh động vì thiếu đi tính tranh tụng và không phân biệt rõ ràng giữa các chức năng cơ bản của TTTHS; một số quyền của bị cáo (bào chữa, quyền im lặng...) chưa được đảm bảo cao.

1.4.3. Nhật Bản

Theo quy định của BLTTTHS năm 1948 (sửa đổi, bổ sung năm 2004) thì “mô hình TTTHS của Nhật Bản là tranh tụng; việc xét xử không có Bồi thẩm đoàn” [49]. Năm 1999, Hội đồng tư vấn cải cách chế độ tư pháp được thành lập đã “thực hiện chế độ người dân tham gia vào thủ tục phiên tòa hình sự (*hội thẩm nhân dân*), thực hiện xét xử với trọng tâm là lập luận” [49]. Giống như Việt Nam, Tòa án của Nhật cũng chỉ xét xử tội danh của bị cáo trên cơ sở quyết định truy tố được trình bày trước tòa và công tố viên có quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút quyết định truy tố trước và trong giai đoạn xét xử. “Trước khi xét xử, Tòa án không được biết trước hồ sơ vụ án mà công tố viên chỉ chuyển hồ sơ cho Thẩm phán chủ tọa khi bắt đầu vào phiên tòa, điều này nhằm ngăn ngừa định kiến là bị cáo có tội của thẩm phán” [49]. Trước khi mở phiên tòa, thẩm phán chỉ được giao bản cáo trạng với nội dung nêu thông tin về nhân thân bị cáo, các hành vi cấu thành tội phạm bị truy tố còn các chứng cứ, tài liệu khác thì do Công tố viên nắm giữ, lựa chọn và trình ra tại phiên tòa. Tòa án phải gửi ngay bản sao cáo trạng cho bị cáo và thông báo cho họ có quyền có luật sư và Tòa án có thể chỉ định luật sư nếu bị cáo không thể tự thuê được luật sư. Toàn bộ hoạt động tố tụng tại phiên tòa do thẩm phán Chủ tọa điều khiển. Phiên tòa được bắt đầu bằng việc Công tố viên công bố bản cáo trạng; tiếp đó Chủ tọa phiên tòa thông báo cho bị cáo quyền được im lặng trong quá trình xét xử; ngay sau đó bị cáo và

luật sư trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án (đây là cơ hội để bị cáo và người bào chữa trình bày quan điểm của mình về vụ án, về sự cáo buộc của Công tố viên là đúng hay sai). Tiếp đến, bị cáo đưa ra ý kiến có nhận tội hay không; nếu bị cáo nhận tội thì công tố viên đưa ra quan điểm của mình và đó là cơ sở để bị cáo, luật sư và Chủ tọa phiên tòa xem xét quyết định có áp dụng thủ tục rút gọn với luận điểm mà bị cáo thừa nhận là có tội và trong trường hợp vụ án đơn giản (Điều 291, Điều 291-2 BLTTHS). Như vậy có thể thấy, sau khi công tố viên công bố cáo trạng là đã xảy ra việc tranh luận ngay, chứ không phải qua xét hỏi rồi mới đến tranh luận như ở Việt Nam. Thẩm phán chủ tọa có quyền đặt câu hỏi và yêu cầu bị cáo trả lời trong trường hợp bị cáo tự nguyện khai báo ở bất kỳ thời điểm nào của quá trình xét xử (khoản 2 Điều 311 BLTTHS). Pháp luật TTHS Nhật Bản không cho phép các chủ thể tham gia phiên tòa hỏi nhiều đối với bị cáo, nhằm tránh sự can thiệp đến quyền của bị cáo được hưởng, đặc biệt là quyền được im lặng và quyền bào chữa. Bị hại được trình bày kiến của mình về việc giải quyết vụ án, kiểm tra chứng cứ và đặt câu hỏi cần thiết đối với lời khai liên quan đến mình (Điều 292 BLTTHS).

Đối với người làm chứng, trước khi thẩm vấn chéo người làm chứng thì một trong các bên (buộc tội, bào chữa) phải cung cấp tên, địa chỉ người làm chứng và cho biết chứng cứ sẽ đưa ra để tranh luận cho bên đối phương biết. Công tố viên trực tiếp kiểm tra chứng cứ do luật sư đưa ra tại phiên tòa. Nếu chứng cứ mà bên bào chữa đưa ra không nhiều thì Thẩm phán chủ tọa cho phép công tố viên kiểm tra ngay tại chỗ, nếu chứng cứ bên bào chữa đưa ra quá nhiều thì phiên tòa được tạm hoãn để công tố viên xem xét. Ngược lại, “luật sư có quyền thu thập chứng cứ và được nghiên cứu hồ sơ của công tố viên để chuẩn bị cho việc bào chữa. Công tố viên có quyền thu thập chứng cứ và xem hồ sơ của luật sư” [49]. Như vậy có thể thấy, cơ chế thu thập chứng cứ, kiểm tra đánh giá chứng cứ ở phiên tòa HSST của Nhật Bản là hoàn toàn bình đẳng cho các bên buộc tội và bào chữa.

Ngoài ra, cũng giống Việt Nam, Tòa án có thể cách ly bị cáo trong khi công tố viên, luật sư bào chữa hoặc thẩm phán lấy lời khai người làm chứng để tránh áp lực cho họ. Sau khi lấy lời khai xong, bị cáo trở lại phòng xử án và được thông báo nội dung chính của lời khai; lúc này bị cáo được đặt câu hỏi đối với người làm chứng đã khai. Tuy nhiên chỉ được phép lấy lời khai người làm chứng khi đã cách ly bị cáo trong trường hợp phải có sự hiện diện của luật sư của bị cáo tại phiên tòa.

Đồng thời, Thẩm phán chủ tọa còn có thể thay đổi trình tự thẩm vấn người làm chứng nếu thấy phù hợp theo yêu cầu của các bên tranh tụng (Điều 304- 2). Như vậy có thể thấy, thủ tục thẩm vấn ở Nhật Bản khá chặt chẽ với mục tiêu là bảo đảm quyền của bị cáo. Thẩm phán thẩm vấn bị cáo và người làm chứng chỉ là phụ vì trách nhiệm đó được giao cho công tố viên và người bào chữa còn Thẩm phán chủ tọa chỉ tập trung điều khiển phiên tòa, hướng dẫn, giúp đỡ các bên đưa ra chứng cứ chứng minh và thực hiện các quyền được pháp luật quy định. Sau khi nghe các bên tranh luận; thẩm phán tự mình đánh giá chứng cứ, rút ra kết luận và tuyên án.

Từ các nội dung trên cho thấy: Các nước đều quy định nguyên tắc của TTHS là bảo đảm tranh tụng, quyền bình đẳng giữa các bên trước Tòa án, bảo đảm quyền công dân, quyền con người. Tòa án xét xử độc lập, khách quan, trên cơ sở chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Các nước này đều quy định trách nhiệm xét hỏi do các chủ thể có chức năng buộc tội và bào chữa thực hiện để công khai chứng cứ và kiểm tra chứng cứ (trừ Pháp). Phân biệt rõ địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể tố tụng trên cơ sở ba chức năng cơ bản của TTHS (buộc tội, gỡ tội, xét xử) trong đó trọng tâm là chức năng xét xử (rõ nhất ở Hoa Kỳ, Nhật Bản). Tại phiên tòa, bên buộc tội và bào chữa có quyền đưa ra yêu cầu loại trừ chứng cứ trong thủ tục thẩm tra hồ sơ trước khi xét xử vụ án, có quyền hỏi bị cáo, bị hại, người làm chứng....; xuất trình các tài liệu trước Tòa án, tham gia vào việc thẩm tra các chứng cứ, đưa ra yêu cầu, tranh luận, phát biểu quan điểm của mình về lời buộc tội tại phiên tòa. Tòa án thể hiện rõ vai trò trung lập trong quy định về giới hạn xét xử và chỉ xét xử đối với bị cáo trên cơ sở cáo trạng buộc tội được đưa ra đối với họ mà không thực hiện việc truy cứu TNHS. Về thủ tục tố tụng, quy định việc thẩm tra sơ bộ trước khi xét xử để loại trừ chứng cứ bất hợp pháp; thủ tục xét hỏi kiểm tra chéo chứng cứ, tranh luận, đối đáp bình đẳng tại phiên tòa của bên buộc tội và gỡ tội; việc xét xử có đại diện nhân dân tham gia (Bồi thẩm đoàn như ở Hoa Kỳ, hội thẩm nhân dân như ở Nhật Bản). Về trình tự xét hỏi được thực hiện theo thứ tự đối với bị cáo, người làm chứng, bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Khi xét hỏi bị cáo, KSV (Công tố viên) hỏi trước, đến người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Đối với người làm chứng, có nước quy định bên buộc tội (hoặc bên bào chữa) triệu tập (hoặc đề nghị triệu tập) xét hỏi trước; Tòa án hỏi sau cùng và chỉ hỏi trong những trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết để làm rõ sự thật khách quan của

vụ án. Những quy định nêu trên là phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp nước ta hiện nay nhằm tăng cường tranh tụng, tạo điều kiện cho các bên chủ động, tích cực, tranh tụng dân chủ tại phiên tòa do đó cũng cần nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật TTTHS nước ta trong thời gian tới .

Tiểu kết Chương 1

Từ việc trình bày các vấn đề lý luận về tranh tụng tại phiên tòa HSST; tác giả rút ra một số kết luận sau:

Một là, tranh tụng trong TTTHS là quá trình tranh luận bình đẳng, công khai về chứng cứ trong vụ án và quan điểm áp dụng pháp luật giữa các chủ thể của bên buộc tội và bên bào chữa tham gia vào quá trình TTTHS nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Hai là, phiên tòa HSST là hình thức hoạt động của Tòa án ở cấp thấp nhất, đây là nơi mà các bên thực hiện chức năng tố tụng của mình một cách công khai và đầy đủ nhất trong đó VKS (KSV) là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội; bị cáo và người bào chữa của họ, bị hại thực hiện chức năng bào chữa; Tòa án nhân danh Nhà nước thực hiện chức năng xét xử với vai trò trọng tài, phán xét nhằm giải quyết khách quan, toàn diện vụ án hình sự.

Ba là, tranh tụng tại phiên tòa HSST là tổng hợp những hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTTHS được các chủ thể bên buộc tội và bên bào chữa thực hiện công khai tại phiên tòa trên nguyên tắc bình đẳng giữa các bên trong việc đưa ra chứng cứ, lập luận của mình và phản bác chứng cứ, lập luận của bên kia về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án dưới sự điều khiển, quyết định của HĐXX với vai trò trọng tài, phán xét kết quả tranh tụng của bên buộc tội và bên gỡ tội.

Bốn là, các nội dung về phạm vi tranh tụng, thủ tục tranh tụng, ý nghĩa của hoạt động tranh tụng; các yếu tố tác động đến hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST và tranh tụng tại phiên tòa HSST theo pháp luật TTTHS một số nước như tác giả đã trình bày ở trên là những nội dung rất quan trọng để đảm bảo cho hoạt động tranh tụng cũng như là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật TTTHS Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa HSST và đảm bảo cho HĐXX giải quyết vụ án được khách quan, đúng pháp luật.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG VÀ THỰC TIỄN TRANH TỤNG Ở CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 2

2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

2.1.1. Quy định về địa vị pháp lý của các chủ thể *trong* tranh tụng

Địa vị pháp lý là “vị trí của chủ thể pháp luật trong mối quan hệ với những chủ thể pháp luật khác trên cơ sở các quy định của pháp luật; địa vị pháp lý của chủ thể pháp luật thể hiện thành một tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể, qua đó xác lập cũng như giới hạn khả năng của chủ thể trong các hoạt động của mình...”[54, tr.244]. Thông qua địa vị pháp lý có thể phân biệt chủ thể pháp luật này với chủ thể pháp luật khác; đồng thời cũng có thể xem xét vị trí và tầm quan trọng của chủ thể pháp luật trong các mối quan hệ pháp luật.

Tại phiên tòa HSST, các chủ thể tranh tụng được chia thành hai nhóm là chủ thể có chức năng buộc tội (VKS do KSV; bị hại và người bảo vệ quyền lợi cho họ trong trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại) và chủ thể có chức năng gỡ tội (bị cáo, người bào chữa cho bị cáo).

Có ý kiến cho rằng “nguyên đơn dân sự cũng là chủ thể của chức năng buộc tội vì họ bị tội phạm trực tiếp hoặc gián tiếp xâm hại thì họ phải được tranh luận những vấn đề liên quan đến việc buộc tội và hình phạt với bị cáo” [30]. Ý kiến khác lại cho rằng “nguyên đơn dân sự và đại diện của họ cũng là chủ thể có chức năng buộc tội; bị đơn dân sự và người đại diện của họ cũng là chủ thể có chức năng gỡ tội” [19]. Theo quan điểm của tác giả thì sự tham gia của nguyên đơn dân sự; bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa HSST chỉ nhằm mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo gây ra mà không liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo. Những người này tham gia phiên tòa chỉ nhằm giúp cho HĐXX giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; họ chỉ có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại (với nguyên đơn, bị đơn dân sự) hoặc những vấn đề trực tiếp liên

quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ (đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án) do đó họ không phải là chủ thể có chức năng buộc tội và gỡ tội.

Đối với Tòa án (HĐXX) là chủ thể có chức năng xét xử, giữ vai trò trọng tài, quyết định kết quả quá trình tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì địa vị pháp lý của các chủ thể khi tranh tụng tại phiên tòa HSST được quy định như sau:

2.1.1.1. Với các chủ thể có chức năng buộc tội

* Đối với Viện kiểm sát

Tại khoản 1 Điều 107 Hiến pháp 2013 và khoản 1 Điều 2 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) 2014; Điều 20 BLTTHS năm 2015 quy định: VKS có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định tại Điều 266, Điều 267 về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử có liên quan đến hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST. Đó là: “Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn: Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa. Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án” [29].

Khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật khi xét xử: “Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của Tòa án, của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật. Kiến nghị, yêu cầu Tòa án thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng của Tòa án...” [29].

* Về địa vị pháp lý của các chức danh tố tụng của VKS

Theo quy định tại Điều 41 BLTTHS năm 2015 thì:

- Viện trưởng VKS: “Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS; quyết định phân công hoặc thay đổi Phó Viện trưởng; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố

và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTTHS của Phó Viện trưởng; quyết định phân công hoặc thay đổi KSV; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của KSV; quyết định truy tố bị can, trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Phó Viện trưởng VKS khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật có các quyền: trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTTHS; quyết định phân công hoặc thay đổi KSV; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của KSV; quyết định truy tố bị can, trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Viện trưởng (Phó Viện trưởng) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình đồng thời không được ủy quyền cho KSV thực hiện quyền hạn của mình” [29].

- Kiểm sát viên: Theo quy định tại Điều 42 BLTTHS năm 2015 “Khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật có quyền: yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; yêu cầu hoặc đề nghị cử người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật; tiến hành tố tụng tại phiên tòa; công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn; các quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật; luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. KSV phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng (Phó Viện trưởng) về hành vi, quyết định của mình” [29].

* Đối với bị hại; đại diện của bị hại

Ngoài việc là các cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản (Điều 51 BLTTHS 2003); Điều 62 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung bị hại còn là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.

- Về quyền của bị hại, ngoài các quyền đã được quy định tại Điều 51 BLTTHS năm 2003 như “được tham gia phiên tòa; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định; người phiên dịch; đề nghị mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường;

trình bày ý kiến; tranh luận, trình bày lời buộc tội tại phiên tòa” [23]. Tại Điều 62 BLTTHS năm 2015 còn bổ sung quyền “được giải thích về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại phiên tòa; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; đề nghị mức hình phạt; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; xem biên bản phiên tòa. Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS; yêu cầu Tòa án bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi có nguy cơ bị đe dọa” [29].

- Về nghĩa vụ: bị hại “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nếu có ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải” [29]. Đây là nội dung mới và đã loại bỏ quy định nếu bị hại từ chối khai báo mà không có lý do chính đáng thì có thể phải chịu TNHS theo Điều 308 BLHS 1999 (khoản 4 Điều 51 BLTTHS 2003). Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 62 BLTTHS năm 2015 cũng bổ sung trường hợp bị hại chết, mất tích hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị hại. Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền của bị hại. Đây là những quy định mới đảm bảo cho bị hại có đầy đủ quyền hơn khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa.

2.1.1.2. Với chủ thể có chức năng gỡ tội

** Bị cáo*

Là chủ thể giữ vị trí trung tâm và có địa vị pháp lý bất lợi nhất tại phiên tòa. Kế thừa những quyền đã được Điều 50 BLTTHS năm 2003 ghi nhận như “được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; tham gia phiên tòa; được giải thích quyền và nghĩa vụ; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu

cầu; tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa; tranh luận tại phiên tòa; nói lời sau cùng trước khi nghị án; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”[23]. Tại điểm h khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm một quyền rất quan trọng là “không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận tội” [29] và quyền của bị cáo là pháp nhân thương mại; quyền và nghĩa vụ của bị cáo là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân.

Ngoài ra, để bị cáo thực hiện tốt hơn quyền bào chữa của mình tại phiên tòa, Điều 61 BLTTHS năm 2015 không chỉ quy định cụ thể, rõ ràng hơn mà còn bổ sung một số quyền cho bị cáo: “được nhận quyết định về biện pháp cưỡng chế; được đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người giám định, người định giá tài sản; người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa; được đưa ra chứng cứ; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; trình bày lời khai; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý. Được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa và các quyền khác theo quy định của pháp luật” [29].

Cùng với đó, nếu như trước đây diện bào chữa theo chỉ định của Tòa án chỉ giới hạn đối với bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình; bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất (khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2003) thì tại khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015 đã mở rộng đối tượng phải mời người bào chữa chỉ định cho họ là “bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa, người có nhược điểm về tâm thần hoặc người dưới 18 tuổi” [29]. Đây là những quy định mới thể chế hóa đầy đủ chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Về nghĩa vụ: thay vì quy định chung là “vắng mặt không có lý do chính đáng” (khoản 3 Điều 50 BLTTHS 2003) [23]; Điều 62 BLTTHS năm 2015 quy định rõ bị cáo “chỉ có thể bị áp giải nếu vắng mặt không có lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan; nếu bỏ trốn thì bị truy nã; bị cáo phải chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án” [29]. Như vậy, các quy định mới của BLTTH về địa vị pháp lý của bị cáo đã nêu trên một mặt đảm bảo tốt hơn sự bình đẳng giữa bên gỡ tội với bên buộc tội; mặt khác còn nhằm bảo vệ tốt hơn quyền con người của bị cáo trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

* Người bào chữa

Khắc phục những tồn tại của BLTTHS năm 2003 đồng thời nâng cao địa vị pháp lý của người bào chữa nhằm đảm bảo tốt hơn việc tranh tụng tại phiên tòa; BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nhiều nội dung quan trọng trong quy định địa vị pháp lý của người bào chữa:

- Một là, mở rộng diện người có quyền bào chữa và người tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa; theo đó, người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa. Tại Điều 56 BLTTHS năm 2003 chỉ quy định có 03 diện người bào chữa (luật sư; người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; bào chữa viên nhân dân). Để bảo đảm tốt hơn quyền của người bị buộc tội, phù hợp với quy định của Luật trợ giúp pháp lý, Điều 72 BLTTHS năm 2015 bổ sung diện người bào chữa là trợ giúp viên pháp lý để bào chữa miễn phí cho các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý đồng thời quy định rõ tiêu chuẩn người được làm bào chữa viên nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa (khoản 3 Điều 72 BLTTHS năm 2015); bổ sung một số đối tượng không được làm người bào chữa (khoản 4 Điều 72 BLTTHS năm 2015)

- Hai là, bổ sung quy định về thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (đối với trường hợp bắt, tạm giữ người). Quy định này tạo điều kiện cho người bị buộc tội nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn từ phía người bào chữa và cũng là cơ sở cho việc người bào chữa tham gia tranh tụng

tại phiên tòa sau này. Cùng với đó, thay vì quy định người bào chữa do bị cáo hoặc đại diện hợp pháp của họ lựa chọn (khoản 1 Điều 58 BLTTHS năm 2003); khoản 1 Điều 75 BLTTHS năm 2015 đã mở rộng đối tượng được lựa chọn người bào chữa cho bị cáo là do người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ lựa chọn; đây là quy định có tính thực tiễn cao, nhất là với các bị cáo bị tạm giam.

- Ba là, mở rộng hơn quyền của người bào chữa khi tham gia phiên tòa. Ngoài các quyền được quy định tại Điều 58 BLTTHS năm 2003 như: “Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; thu thập, đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa” [23]. Để làm rõ và đầy đủ hơn quyền của người bào chữa, Điều 73 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung người bào chữa có quyền gặp, hỏi người bị buộc tội (thay vì gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam như quy định tại điểm e khoản 2 Điều 58 BLTTHS 2003). Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS; đề nghị triệu tập người làm chứng; người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; thu thập chứng cứ; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; được đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ; giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản.

Người bào chữa có nghĩa vụ phải sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo; giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Điều 73 BLTTHS năm 2015 đã sử dụng cụm từ “người bị buộc tội” thay cho cụm từ “người bị tạm giữ, bị can, bị cáo” (Điều 58 BLTTHS 2003). Người bào chữa cũng không được từ chối bào chữa cho người bị buộc tội mà mình đã đảm nhiệm bào chữa nếu không vì lý do bất khả kháng hoặc không phải do trở ngại khách quan (Điều 58 BLTTHS 2003 chỉ xác định là nếu không có lý do chính đáng). Tôn trọng sự thật, không được mua chuộc, cưỡng ép

hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật. Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện bào chữa; không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Không được tiết lộ thông tin về vụ án, về người bị buộc tội mà mình biết khi bào chữa, trừ trường hợp người này đồng ý bằng văn bản và không được sử dụng thông tin đó vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.1.2. Địa vị pháp lý của Tòa án

Là chủ thể có chức năng xét xử, Tòa án (HĐXX) xem xét, quyết định trên cơ sở kết quả quá trình tranh tụng giữa bên buộc tội (VKS) và bên gỡ tội (bị cáo, người bào chữa). Địa vị pháp lý của Tòa án trong tranh tụng tại phiên tòa như sau:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật tổ chức TAND, khi thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án hình sự, Tòa án có quyền: “Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, KSV, luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, điều tra viên, VKS, KSV thu thập; do luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp. Yêu cầu điều tra viên, KSV và những người khác trình bày về các vấn đề có liên quan đến vụ án; khởi tố vụ án hình sự nếu phát hiện việc bỏ lọt tội phạm; trả hồ sơ yêu cầu VKS điều tra bổ sung; yêu cầu VKS bổ sung chứng cứ hoặc tòa án kiểm tra, xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ” [28].

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 26 BLTTHS năm 2015 thì “Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án” [29].

Đối với Thẩm phán được phân công xét xử vụ án có nhiệm vụ, quyền hạn: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; tiến hành xét xử vụ án; tiến hành hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX (Điều 45 BLTTHS năm 2015).

Đối với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ, quyền hạn như thẩm phán được phân công xét xử vụ án và quyền quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; điều hành việc xét xử vụ án, tranh tụng tại phiên tòa; quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, thực nghiệm điều tra; thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định; yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật; quyết định triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa. Thẩm phán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình (Điều 45 BLTTHS năm 2015).

Về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; tiến hành xét xử vụ án; tiến hành hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX. Hội thẩm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình (Điều 46 BLTTHS năm 2015).

Đối với thư ký Tòa án: kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập; phổ biến nội quy phiên tòa; báo cáo HĐXX danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa và những người vắng mặt; ghi biên bản phiên tòa. Thư ký phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh án về hành vi của mình (Điều 47 BLTTHS năm 2015).

2.1.3. Quy định chung về phiên tòa hình sự sơ thẩm

Trước hết, phiên tòa HSST phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của TTHS được quy định tại Chương II BLTTHS năm 2015 gồm: Bảo đảm pháp chế XHCN; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật. Tuân thủ nguyên tắc suy đoán vô tội; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; xét xử kịp thời, công bằng, công khai và đảm bảo tranh tụng trong xét xử... Trong đó đáng chú ý là BLTTHS năm 2015 đã bổ sung hai nguyên tắc quan trọng là suy đoán vô tội (Điều 13) và tranh tụng trong xét xử được đảm bảo (Điều 26).

Cùng với đó, việc xét xử phải tuân thủ các quy định tại Chương XX, Chương XXI của BLTTHS năm 2015 là: được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói và liên tục; Tòa án có quyền xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ; tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án; giải quyết đầy đủ yêu cầu, đề nghị của các bên trước khi mở phiên tòa; yêu cầu VKS bổ sung tài liệu, chứng cứ; đảm bảo thành phần HĐXX, thư ký, KSV tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo giới hạn của việc xét xử...Đặc biệt, tại Điều 296 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định mới cho phép HĐXX có thể triệu tập Điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lý, giải quyết vụ án và những người khác đến phiên tòa để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án.

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc tiến hành tranh tụng; chủ tọa phiên tòa phải đảm bảo sự có mặt của KSV, những người tham gia tố tụng trong vụ án; giải quyết việc đề nghị của KSV và những người tham gia tố tụng về việc thay đổi thành viên HĐXX, thư ký, KSV...Bảo đảm sự cam đoan của người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá, người làm chứng; có biện pháp cách ly người làm chứng trong quá trình xét xử. Giải quyết yêu cầu của KSV, người tham gia tố tụng về việc triệu tập người làm chứng, bổ sung chứng cứ tài liệu, hoãn phiên tòa... Các hoạt động này của Tòa án thể hiện phần nào yếu tố tranh tụng đã được bắt đầu ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

Đối với giới hạn của việc xét xử của Tòa án (Điều 298 BLTTHS năm 2015) đã bổ sung quy định: trường hợp thấy cần xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS đã truy tố, sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung mà VKS vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó. Đây là một nội dung mới phản ánh tính độc lập của Tòa án (HĐXX) trong việc xét xử; tuy nhiên vấn đề này, từ góc độ tranh tụng, trên thực tế còn vướng mắc cần được hướng dẫn cụ thể.

2.1.4. Quy định về phiên tòa hình sự sơ thẩm

BLTTHS năm 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa được quy định tại BLTTHS năm 2003 thành “Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa” trong đó việc tranh tụng tại phiên tòa không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn thể hiện ngay ở phần xét hỏi.

2.1.4.1. Quy định về xét hỏi tại phiên tòa

Các quy định của BLTTHS năm 2015 trong giai đoạn xét hỏi thể hiện rõ các yếu tố tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội; được phản ánh qua các thủ tục:

- KSV công bố bản cáo trạng: Điều 306 BLTTHS năm 2015 quy định, trước khi tiến hành xét hỏi, KSV công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung (nếu có). Bổ sung mới nội dung: việc trình bày ý kiến bổ sung cáo trạng của KSV không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Như vậy, “ý kiến bổ sung của KSV là nhằm để làm sáng tỏ hơn nội dung cáo trạng, chứ không thay đổi, bổ sung nội dung bản cáo trạng” [55, tr. 585].

- Về trình tự xét hỏi: Khoản 1 Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định bổ sung trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa trong việc điều hành việc xét hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý để phù hợp với từng vụ án và diễn biến cụ thể tại các phiên tòa.

- Về thủ tục công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố: Điều 308 BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm các trường hợp công bố lời khai tại phiên tòa, đó là khi người được xét hỏi không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; khi người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố. Đây là những điểm bổ sung hợp lý để mở rộng quyền chứng minh cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. HĐXX, KSV cũng được công bố lời khai của người được xét hỏi trong trường hợp lời khai của họ tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của họ tại giai đoạn điều tra, truy tố. Ngoài ra, Điều 308 BLTTHS cũng bổ sung quy định với các trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, đời tư của cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu của người tham gia tố tụng hoặc tự thấy cần thiết thì HĐXX không công bố tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Về phạm vi xét hỏi: Điều 309, Điều 310 và Điều 311 BLTTHS năm 2015 quy định thủ tục xét hỏi đối với bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ; người làm chứng. Điểm mới trong các quy định này là đã mở rộng phạm vi xét hỏi của KSV và người bào chữa. Theo đó KSV hỏi bị cáo về “những chứng cứ, tài liệu, đồ vật” (Điều 209 BLTTHS năm 2003 quy định hỏi về “những tình tiết của vụ án”) liên

quan đến việc buộc tội, gỡ tội và mở rộng được hỏi các tình tiết khác của vụ án. Người bào chữa không những được hỏi các tình tiết liên quan đến việc bào chữa chung chung như trước đây, nay còn được hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa và các tình tiết khác của vụ án. Đây là những điểm mới nhằm phân biệt rõ chức năng buộc tội, chức năng bào chữa tại phiên tòa. Tuy nhiên trên thực tế, sự phân biệt giữa chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội cũng rất đa dạng, có thể chứng cứ này là buộc tội với bị cáo này nhưng lại là chứng cứ gỡ tội cho bị cáo khác. Do đó, khi xét hỏi đòi hỏi KSV, người bào chữa, HĐXX phải làm rõ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Về quyền đặt câu hỏi của bị cáo và người tham gia tố tụng khác: thay vì bị cáo đề nghị HĐXX xét hỏi các nội dung mà bị cáo thấy cần thiết (Điều 209 BLTTHS 2003). Điều 309, Điều 310, Điều 311 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định khi được Chủ tọa phiên tòa đồng ý thì bị cáo được đặt câu hỏi trực tiếp với các bị cáo khác; bị cáo có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, hỏi người làm chứng về các vấn đề liên quan đến bị cáo. Ngoài ra, bổ sung quy định trong trường hợp cần thiết, Tòa án sẽ quyết định hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông.

Những nội dung mới nêu trên đã mở rộng quyền cho bị cáo; tạo điều kiện dân chủ, bình đẳng trong việc thực hiện việc chứng minh của bị cáo trong xét hỏi tại phiên tòa.

- Thủ tục xem xét vật chứng: nếu Điều 212 BLTTHS năm 2003 quy định KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng và chỉ HĐXX mới có quyền hỏi thêm về những vấn đề có liên quan đến vật chứng thì Điều 312 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung cho KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng. Đây là quy định mới mở rộng quyền cho bên buộc tội, bên gỡ tội thực hiện việc chứng minh nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án khi xét hỏi tại tòa.

- Thủ tục nghe, xem nội dung được ghi âm, ghi hình có âm thanh và thủ tục điều tra viên, KSV, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến (Điều 313, Điều 317 BLTTHS năm 2015). Theo đó, nếu cần

kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án hoặc khi bị cáo tố cáo bị bức cung, dùng nhục hình thì HĐXX quyết định cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại phiên tòa. Khi cần thiết, HĐXX tự mình hoặc theo yêu cầu của người tham gia tố tụng yêu cầu điều tra viên, KSV, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến để làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Đây là những quy định mới rất tiên bộ và cần thiết để đảm bảo cho việc xét hỏi được đầy đủ về nội dung, khách quan và tạo ra sự bình đẳng hơn giữa các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng và bị cáo trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Cùng với các quy định trên, BLTTHS năm 2015 (Điều 314, Điều 315, Điều 316) vẫn giữ nguyên quy định về thủ tục xem xét tại chỗ khi cần thiết; làm rõ một số nội dung về việc các chủ thể tham gia phiên tòa nhận xét về các báo cáo, tài liệu và hỏi thêm người đại diện của cơ quan, tổ chức, người khác tham gia phiên tòa về những vấn đề liên quan đến báo cáo, tài liệu do các cơ quan, tổ chức cung cấp; bổ sung thêm thủ tục hỏi người định giá tài sản... Các nội dung này nhằm làm rõ thủ tục các chủ thể tham gia phiên tòa cần thực hiện để đảm bảo cho việc tranh tụng giữa các bên được dân chủ, công khai và bình đẳng. Kết thúc việc xét hỏi, KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn (Điều 319 BLTTHS năm 2015).

2.1.4.2. Quy định về tranh luận tại phiên tòa

- Về luận tội của KSV: Ngoài yêu cầu về việc luận tội của KSV phải căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa như quy định tại Điều 217 BLTTHS năm 2003. Điều 321 BLTTHS năm 2015 còn bổ sung điểm mới về quy định các nội dung cơ bản của luận tội; trong đó KSV đề nghị HĐXX áp dụng “mức hình phạt, các biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng” [29].

- Về trình tự phát biểu khi tranh luận: khoản 4 Điều 320 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nội dung bị hại hoặc đại diện hợp pháp của bị hại (trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại) có quyền trình bày, bổ sung ý kiến sau khi KSV trình bày lời luận tội.

- Về thủ tục tranh luận tại phiên tòa: So với quy định tại Điều 218 BLTTHS năm 2003 thì Điều 322 BLTTHS năm 2015 đã bỏ quy định bị cáo, người bào chữa ...“có quyền trình bày ý kiến về luận tội của KSV”[23], thay vào đó họ được “trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV...”[29]. Như vậy việc đưa ra ý kiến của bị cáo và người bào chữa không còn bị bó hẹp như trước đây. Đồng thời thông qua việc đối đáp, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình. Điều 322 cũng quy định cụ thể trách nhiệm của KSV khi đối đáp phải đưa ra những chứng cứ, tài liệu và những lập luận của mình và phải đối đáp đến cùng với từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Đồng thời Chủ tọa phiên tòa có quyền “yêu cầu” KSV (Điều 218 BLTTHS năm 2003 thì chủ tọa chỉ có quyền “đề nghị” KSV) phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. Những điểm mới nêu trên có giá trị tích cực, tạo ra sự bình đẳng, dân chủ trong hoạt động tranh luận giữa các chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa. Ngoài ra, Chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những ý kiến tranh luận không liên quan đến vụ án và các ý kiến lặp lại (Điều 218 BLTTHS năm 2003 chỉ quy định cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án). HĐXX phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của các bên và người tham gia tranh tụng. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì HĐXX phải nêu rõ lý do và phải được ghi trong bản án. Quy định này nhằm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử- đó là phán quyết của Tòa án phải dựa vào kết quả tranh tụng khách quan, dân chủ tại phiên tòa.

- Về thủ tục trở lại việc xét hỏi (Điều 323 BLTTHS năm 2015): Điểm mới liên quan đến hoạt động tranh tụng là, nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì HĐXX “phải” quyết định trở lại xét hỏi (Điều 219 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định HĐXX “có thể” trở lại việc xét hỏi).

Ngoài ra, các quy định về bị cáo nói lời sau cùng; xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa vẫn được giữ nguyên. Tại khoản 2 Điều 325 BLTTHS năm 2015 quy định nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, HĐXX yêu cầu những người tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó. Tại khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định nếu

KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì HĐXX vẫn phải nghị án, nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì tuyên bị cáo không có tội; nếu thấy bị cáo có tội và việc rút quyết định truy tố của KSV là có căn cứ thì quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện trưởng VKS cùng cấp hoặc Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp.

2.2. Thực tiễn tranh tụng trong xét xử sơ thẩm ở các Tòa án quân sự Quân khu 2

2.2.1. Những kết quả đạt được

Đảm nhiệm chức năng xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn 09 tỉnh tây Bắc thuộc Quân khu 2; các TAQS Quân khu 2 được tổ chức ở hai cấp gồm: “TAQS Quân khu xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên địa bàn 09 tỉnh của quân khu; TAQS Khu vực 1 Quân khu 2 xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên 05 tỉnh (Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai và Lai Châu); TAQS Khu vực 2 Quân khu 2 xét xử các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xảy ra trên 04 tỉnh (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn La, Điện Biên)”[2].

Thực hiện định hướng cải cách tư pháp của Đảng, trong những năm qua các TAQS hai cấp Quân khu 2 đã tích cực chủ động trong đổi mới hình thức tổ chức phiên tòa nhằm bảo đảm tốt việc tranh tụng khi xét xử. Tại các phiên tòa, HĐXX đã đảm bảo cho KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng thực sự có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra các yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. HĐXX đã tích cực đổi mới việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nhằm tạo mọi điều kiện tốt nhất để bảo đảm cho KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ. Cùng với việc xét hỏi, HĐXX đã chấp nhận để người bào chữa; người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng được xuất trình các chứng cứ mới trước và trong phiên tòa. Điều hành xét hỏi, tranh luận đầy đủ, toàn diện về các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và chứng cứ mới được các bên cung cấp. Hoạt động xét hỏi, tranh luận của KSV đã có nhiều tiến bộ. Sự tham gia tranh tụng của bị cáo, người bào chữa với KSV đảm bảo dân chủ, bình đẳng, tất cả các vụ án có người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì họ đều tranh tụng dân chủ tại phiên tòa. Trong số 07 vụ có luật sư do bị cáo mời thì qua tranh tụng giữa luật sư và KSV đã có 01 vụ KSV phải rút quyết định truy tố về một tội với một bị cáo [47]; 01 vụ HĐXX chấp nhận quan điểm bào chữa

của luật sư nên quyết định đình chỉ vụ án do hết thời hiệu truy cứu TNHS với bị cáo (trước đó bị cáo bị VKSQS Quân khu 2 truy tố về tội “Cướp tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 151 BLHS năm 1985) [44]. HĐXX đã tôn trọng, lắng nghe ý kiến tranh luận của các bên; dành thời gian cho các bên tranh luận; do vậy, các bản án, quyết định của Tòa án đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đặc biệt là nhờ có tinh thần dân chủ, công khai đó mà tất cả các phiên tòa của các TAQS Quân khu 2 đều đảm bảo được sự tôn nghiêm của pháp luật, tinh thần dân chủ; khách quan, bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng đồng thời duy trì tốt văn hóa pháp lý trong hoạt động tố tụng tại phiên tòa.

Theo Báo cáo tổng kết công tác của TAQS Quân khu 2 từ năm 2008 đến năm 2018 [48] cho thấy số lượng các vụ án xét xử sơ thẩm ở các tòa hai cấp hàng năm không nhiều; chất lượng xét xử được nêu trong Bảng 2.1:

Năm	Số vụ án/ bị cáo xét xử sơ thẩm				Số vụ Tòa trả cho VKS để ĐTBS	Số vụ có kháng cáo, kháng nghị	Kết quả xét xử phúc thẩm		
	Tòa QK	Tòa KV1	Tòa KV2	Tổng cả năm			Y án sơ thẩm	Sửa án sơ thẩm	Hủy án sơ thẩm
7/2008	01/01	06/08	06/13	13/22	0	05	01	03	01
2009	02/09	11/12	15/21	28/42	03	04	02	02	
2010	03/03	11/17	09/10	23/30	02	03	03		
2011	03/03	08/10	16/20	27/33	02	04	03	01	
2012	03/16	09/11	16/26	28/53	02	06	03	03	
2013	04/11	05/08	12/31	21/50	03	09	04	05	
2014	04/09	06/07	07/10	17/26	04	01	01		
2015	01/01	02/03	02/05	05/09	01	02		02	
2016	0	05/05	02/09	07/14	0	0			
2017	01/02	03/05	05/26	09/33	02	02	02		
6/2018	02/08	05/05	02/02	09/15					
Tổng cộng 10 năm:				184/327	19	36	19	16	01

Bảng 2.1: Chất lượng xét xử các vụ án hình sự từ 7/2008 đến 6/2018)

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác Tòa án quân sự Quân khu 2 từ năm 2008 đến năm 2018)

- Trong tổng số 184 vụ/327 bị cáo đã xét xử thì có 19 vụ (10,3%) Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung lý do chủ yếu là thiếu chứng cứ chứng minh; có đồng phạm khác hoặc có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố thì bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm.

- Trong tổng số 184 vụ đã xét xử có 36 vụ (19,5%) có kháng cáo, kháng nghị; kết quả xét xử phúc thẩm y án 19 vụ (52,8%); sửa về hình phạt (do có tình tiết mới; áp dụng tình tiết tăng nặng giảm nhẹ chưa chính xác) hoặc sửa biện pháp tư pháp 16 vụ (44,4%). **Kết quả tỷ lệ kháng cáo, kháng nghị thấp cũng như tỷ lệ y án sơ thẩm cao phần nào cũng phản ánh hiệu quả tranh tụng tại các phiên tòa sơ thẩm đã đạt được kết quả nhất định.** Hủy án sơ thẩm 01 vụ (2,7%) do việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chứng cứ còn mâu thuẫn với nhau.

2.2.2. Những sai sót, hạn chế

Cùng với những kết quả nêu trên; qua nghiên cứu 184 bản án và biên bản phiên tòa đã xét xử sơ thẩm và các Thông báo kiểm tra án trong 10 năm qua cho thấy hoạt động tranh tụng tại phiên tòa cũng còn một số sai sót, hạn chế nhất định ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng trong xét xử.

Số liệu thống kê kết quả hoạt động của các chủ thể tham gia tranh tụng (7/2008-6/2018) [48] được nêu trong Bảng 2.2:

Năm	Tổng số vụ án/ bị cáo đã xét xử	Số vụ có người bào chữa; người bảo vệ quyền lợi... tham gia tranh tụng			Số vụ có bị cáo, bị hại tranh luận với KSV tại phiên tòa	Số vụ có đương sự tranh luận với KSV tại phiên tòa
		Tổng số vụ	Do CQ có thẩm quyền THPT chỉ định	Do bị cáo, đương sự mời		
7/2008	13/22	01		01	9	2
2009	28/42	0			13	6
2010	23/30	02	02		8	03
2011	27/33	01	01		14	01
2012	28/53	03	02	01	16	04
2013	21/50	04	02	02	11	01
2014	17/26	05	03	02	9	02
2015	05/09	02	01	01	02	0
2016	07/14	0			03	0
2017	09/33	0			02	01
6/2018	09/15	01	01		08	03
Tổng :	184/327	19	12	07	95	23

Bảng 2.2: Thống kê kết quả hoạt động của các chủ thể tham gia tranh tụng (7/2008- 6/2018)

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác Tòa án quân sự Quân khu 2 từ năm 2008 đến năm 2018)

Nghiên cứu các số liệu trên cho thấy: Trong tổng số 184 vụ án đã xét xử thì chỉ có 19 vụ (10,3%) có sự tham gia của người bào chữa; người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự; trong 19 vụ đó, 12 vụ (63,2%) là do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mời và 07 vụ (36,8%) là do bị cáo, đương sự mời. Đánh giá chung cho thấy tỷ lệ người bào chữa tham gia tố tụng thấp so với tổng số vụ án và cũng phản ánh sự tương quan chưa cao giữa bên buộc tội và bên gỡ tội (bị cáo) trong hoạt động tranh tụng tại các phiên tòa trong 10 năm qua ở Quận khu 2.

Qua nghiên cứu 184 biên bản phiên tòa và bản án cho thấy: 19/19 vụ có người bào chữa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, của bị hại đều có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Số vụ mà bị cáo, bị hại có ý kiến tranh luận lại với quan điểm luận tội của KSV thấp (95 vụ/184 vụ chiếm 51,6%); số vụ các đương sự có ý kiến tranh luận lại với quan điểm luận tội của KSV 23 vụ/184 vụ (chiếm 12,5%).

Các vụ án còn lại, bị cáo đều nhất trí với luận tội của KSV và chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt; các đương sự cũng không có ý kiến gì tranh luận. Như vậy, đối với các vụ án này, bị cáo và các đương sự tham gia tranh tụng tại phiên tòa thực ra chỉ dưới hình thức trả lời các câu hỏi của HĐXX, KSV và có thể do họ không am hiểu pháp luật nên đã không tranh luận, đối đáp với KSV.

Về hình thức, nội dung thực hiện hoạt động tranh tụng từ thực tiễn các vụ án đã xét xử, tác giả tổng hợp và nêu lên một số sai sót, hạn chế của hoạt động này tại các phiên tòa HSST đã được nêu ra tại các Thông báo kiểm tra giám đốc án hàng quý của TAQS Quận khu 2 là:

2.2.2.1. Các sai sót trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

- Trong quá trình xét xử “nếu cần giải thích cho người tham gia tố tụng thì chỉ giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuyệt đối không được giải thích những quy định của BLHS” [31]. Tuy nhiên, tại một số phiên tòa, khi giải thích nghĩa vụ cho bị cáo; thẩm phán chủ tọa thường nêu “ngoài ra, tuy không phải là nghĩa vụ nhưng nếu bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thì sẽ được HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại Điều 46 BLHS 1999”. Việc giải thích nội dung trên như vậy là chưa đúng với vai trò và chức năng xét xử của Tòa án. (Vụ Lý Văn

Tăng- Án số 10/2011/HSST ngày 13/7/2011 của TAQSKV2) [38].

- Giải thích sai quyền của bị cáo: thay vì giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo thì Chủ tọa phiên tòa lại giải thích quyền và nghĩa vụ của bị can (Vụ Nguyễn Văn Trí - Án số 05/2010/HSST ngày 20/7/2010 của TAQSKV2)[34]; Giải thích thiếu quyền của bị cáo (Vụ Đỗ Thế Hải- Án số 06/2010/HSST ngày 07/9/2010 của TAQSKV2), chủ tọa không giải thích quyền “được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa” cho bị cáo [35]. Giải thích chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ cho bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Vụ Đỗ Văn Được- Án số 09/2010/HSST ngày 30/11/2010 của TAQSKV2) [36].

- Không yêu cầu người làm chứng đã thành niên cam đoan khai báo trung thực (Vụ Nguyễn Văn Hiến- Án số 03/2013/HSST ngày 11/7/2013 của TAQSKV2) [41].

- Giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng không rõ ràng và đúng pháp luật nên gây khó khăn cho người tham gia tố tụng khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa: Vụ Lò Văn Lâm- Án số 02/2011/HSST ngày 25/01/2011 của TAQSKV2. Do hai bị hại tham gia phiên tòa khi chưa đủ 18 tuổi nên tòa đã mời bố của họ tham gia phiên tòa với tư cách đại diện hợp pháp cho bị hại. Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa lại giải thích cho họ quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trước khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa lại nêu “Theo quy định của pháp luật, do hai bị hại chưa đủ 18 tuổi nên tòa mời đại diện gia đình những người này đến phiên tòa để các ông làm người giám hộ cho bị hại. Các ông rõ chưa ?” [36].

- Trước khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; Chủ tọa phiên tòa không hỏi KSV, bị cáo và những người tham gia tố tụng về việc có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét tại phiên tòa không là chưa đầy đủ. Ví dụ: Vụ Sùng Chín Phừ (Án số 11/2009/HSST ngày 24/11/2009 của TAQSKV1) [KT1]; Vụ Nguyễn Đình Nhu (Án số 03/2017/HSST ngày 12/6/2017 của TAQSKV2) [45].

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên tuy không lớn nhưng cũng phần nào ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị cáo, người tham gia tố tụng

cũng như ảnh hưởng đến việc tranh tụng của họ tại phiên tòa.

2.2.2.2. Các sai sót trong phần tranh tụng

- Chủ tọa phiên tòa điều hành xét hỏi theo trình tự chưa đúng quy định: sau khi KSV công bố bản cáo trạng, thay vì chủ tọa điều hành và hỏi để bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng thì Chủ tọa phiên tòa lại để cho hai hội thẩm quân nhân xét hỏi bị cáo. Sau đó chủ tọa đề nghị KSV xét hỏi và chủ tọa xét hỏi cuối cùng (Vụ Nguyễn Văn Chung- Án số 05/2011/HSST ngày 29/6/2011 của TAQSKV2) [37].

- Sau khi KSV trình bày bản cáo trạng, để đảm bảo khách quan “chủ tọa phiên tòa chỉ nên hỏi có tính chất nêu vấn đề, còn lại những câu hỏi có tính chất buộc tội, gỡ tội dành cho KSV và người bào chữa” [31]. Tuy nhiên; nhiều vụ án HĐXX đã xét hỏi toàn bộ vụ án sau đó Chủ tọa phiên tòa mới yêu cầu KSV, người bào chữa xét hỏi nên KSV và người bào chữa không xét hỏi gì thêm hoặc xét hỏi chiếu lệ vì toàn bộ nội dung vụ án đã được HĐXX làm rõ. Cách đặt câu hỏi, sử dụng từ ngữ để hỏi của HĐXX còn thể hiện sự truy bức bị cáo nhằm chứng minh cáo trạng của VKS; có trường hợp HĐXX hỏi câu hỏi quá dài, gộp nhiều nội dung khiến bị cáo trình bày không đầy đủ. Còn có hiện tượng HĐXX, KSV chỉ yêu cầu bị cáo trả lời “có” hoặc “không” mà chưa để bị cáo trình bày cụ thể...

Ví dụ: Vụ Nguyễn Văn Thiện- Án số 11/2012/HSST ngày 03/8/2012 của TAQSKV2) [39]; vụ Trần Trung Kiên- Án số 04/2013/HSST ngày 02/8/2013 của TAQSKV2 [42]; vụ Nguyễn Trọng Biên- Án số 05/2017/HSST ngày 27/12/2017 của TAQSKV2 [46]; vụ Cao Văn Điền- Án số 09/2011/HSST ngày 28/6/2011 của TAQSKV2 [37].

- Chủ tọa phiên tòa khi xét hỏi bị cáo, người tham gia tố tụng đã nhận xét, đánh giá và kết luận ngay một số nội dung cần phải giải quyết trong vụ án là không đúng; do đó HĐXX đã làm thay chức năng buộc tội của KSV tại phiên tòa.

Ví dụ 1: Vụ Nguyễn Văn Thiện- Án số 11/2012/HSST ngày 03/8/2012 của TAQSKV2. Bị cáo Thiện điều khiển xe ô tô gây tai nạn làm chết bị hại nên bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 BLHS 1999. Bị cáo đã bồi thường xong cho đại diện hợp pháp của bị hại trước khi mở phiên tòa nên đại diện hợp pháp của bị hại (ông

Minh là bố đẻ bị hại) có đơn xin miễn truy cứu TNHS cho bị cáo. Khi xét hỏi, Chủ tọa phiên tòa kết luận “Tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ nguyên quan điểm bồi thường dân sự như đã thỏa thuận và không có ý kiến gì khác nên HĐXX ghi nhận”. Khi ông Minh đề nghị HĐXX miễn TNHS hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thì chủ tọa kết luận “Việc ông đề nghị là xuất phát từ tình cảm song không có căn cứ để miễn TNHS; mặt khác do bị hại đã chết nên theo quy định của pháp luật thì không có căn cứ xem xét giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS với bị cáo” [39].

Ví dụ 2: Vụ Lê Hồng Xuyên- Án số 06/2013/HSST ngày 08/8/2013 của TAQSKV2. Tương tự như vụ án trên; tại phiên tòa; Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin giảm nhẹ hình phạt của đại diện bị hại cho bị cáo (mặc dù đại diện bị hại có mặt tại tòa) sau đó Chủ tọa phiên tòa kết luận “Theo quy định tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP ngày 04/8/2000 thì việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo chỉ áp dụng đối với trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tài sản. Trong vụ án này, bị hại đã chết do vậy không có căn cứ để thỏa mãn đề nghị của ông nhưng HĐXX sẽ xem xét khi lượng hình” [43].

- Kiểm sát viên chưa chủ động trong việc xét hỏi, có vụ KSV không chú ý theo dõi các nội dung HĐXX đã xét hỏi nên khi hỏi còn dài và trùng lặp; nội dung thiếu tập trung vào các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Thái độ khi tranh luận của một số KSV còn nóng nảy, thiếu kiềm chế, cáu gắt, đập bàn...làm cho không khí phiên tòa trở nên căng thẳng và không phù hợp với văn hóa pháp lý tại phiên tòa [33]. Khi tranh luận, KSV chưa chú ý theo dõi kết quả xét hỏi tại phiên tòa nên không nắm được các vấn đề liên quan đến bồi thường thiệt hại đã được các bên thực hiện xong; do đó khi tranh luận đã đưa ra những đề nghị không sát với thực tế vụ án [36]. Có vụ án, khi bị cáo đối đáp với KSV và cho rằng việc bị cáo đã thành khẩn khai báo nhưng KSV không đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là chưa phù hợp. KSV chỉ đối đáp lại “ Bị cáo Anh xin áp dụng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo để giảm mức hình phạt nhưng VKS thấy không phù hợp” mà cũng không nêu lý do vì sao, không phù hợp ở nội dung gì; hoặc “Đối với bị cáo Quyết cho rằng mức

hình phạt VKS đề nghị áp dụng với bị cáo là cao nhưng VKS thấy rằng hình phạt đó đã được VKS cân nhắc ở mức thấp nhất cho bị cáo”[40].

Phần lớn các vụ án thì nội dung tranh luận và đối đáp giữa KSV với bị cáo, các đương sự chỉ dừng lại ở việc bị cáo, đương sự đồng ý với nội dung luận tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ. Nhiều phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa chỉ hỏi “Bị cáo nghe rõ nội dung lời luận tội mà ông KSV vừa nêu chưa, bị cáo có ý kiến gì bào chữa không ?” hoặc “Bị cáo có ý kiến gì tranh luận với nội dung luận tội của ông KSV không ?”... Với trình độ hiểu biết pháp luật của các bị cáo cư trú ở các tỉnh Tây Bắc như hiện nay, nhất là bị cáo là người dân tộc thiểu số, không nói được tiếng Việt; nếu không được Chủ tọa phiên tòa hướng dẫn thì bị cáo không biết mình phải làm gì vì bị cáo cũng không hiểu thế nào là tranh luận. Do đó họ khó có thể thực hiện được quyền tự bào chữa, tranh luận của mình. Nhiều bị cáo còn ngộ nhận cho rằng, đề nghị trong luận tội của KSV chính là quyết định mà sau này HĐXX sẽ áp dụng với bị cáo nên cũng không có ý kiến gì bào chữa hay tranh luận nữa.

- Đối với luật sư bào chữa cho bị cáo; chất lượng bào chữa chưa cao, nhất là trong trường hợp bào chữa theo chỉ định. Một số luật sư chưa kịp thời giúp đỡ thân chủ của mình về mặt pháp lý trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bảo vệ thân chủ của mình khỏi những trường hợp dụ cung, mớm cung, bức cung từ phía những người xét hỏi khác. Cá biệt có trường hợp, người bào chữa không những không bào chữa được gì nhiều cho bị cáo mà trong phần tranh luận với KSV còn nêu cả những nội dung gây bất lợi cho bị cáo.

Ví dụ: Vụ Nguyễn Tuấn Phương- Án số 01/2012/HSST ngày 27/12/2012 của TAQSQK2. Khi luận tội, KSV đề nghị HĐXX “...xử phạt bị cáo Phương tù chung thân về tội cướp tài sản; từ 13 năm-13 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 03 năm- 03 năm 06 tháng tù về tội làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan nhà nước và từ 30- 36 tháng tù về tội trốn khỏi nơi giam”.

Phát biểu lời bào chữa cho bị cáo, luật sư nêu “Thưa HĐXX, đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có đồng phạm với 10 bị cáo; các bị cáo đã gây ra nhiều vụ cướp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở nhiều địa phương trong một thời gian dài. Trong đó bị cáo Phương là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu và lôi kéo nhiều người khác

thực hiện 06 vụ cướp, 01 vụ lừa đảo, làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan nhà nước và đặc biệt là trốn khỏi nơi giam giữ. Bị cáo phạm tội do ngay từ nhỏ đã lười lao động, thích ăn chơi, thiếu sự dạy dỗ của gia đình; bị cáo không chịu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, muốn có tiền tiêu sài nên mới thực hiện tội phạm; do đó đề nghị HĐXX xem xét khi lượng hình. Về hình phạt, tôi đề nghị áp dụng các điều luật về tội phạm cụ thể như ông KSV đã nêu, ngoài ra đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS để tuyên phạt bị cáo tù chung thân về tội cướp tài sản, 12 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 năm tù về tội làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan nhà nước và 02 năm tù về tội trốn khỏi nơi giam...”.

Bào chữa bổ sung, bị cáo nêu “Bị cáo thấy mức hình phạt tù chung thân mà ông KSV và luật sư đề nghị với bị cáo về tội cướp tài sản là quá nặng”. Lúc này luật sư bào chữa cho bị cáo lại nêu “Tôi giải thích cho bị cáo Phương, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được qua việc thực hiện các hành vi phạm tội là hơn ba tỷ đồng, bị cáo là người thực hiện tích cực, với vai trò chủ mưu cầm đầu nên hình phạt tù chung thân là đúng” [40].

2.2.2.3. Sai sót trong việc phân tích, đánh giá trong bản án về kết quả tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội của Hội đồng xét xử

Nội dung ghi nhận trong bản án và được HĐXX tuyên khi kết thúc việc tranh tụng và nghị án là văn bản pháp lý phản ánh, ghi nhận kết quả tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa. Tuy nhiên, có bản án cũng còn hạn chế, thiếu sót là:

- Ghi nhận nội dung tranh tụng tại phiên tòa chưa chính xác: Vụ Phạm Duy Khánh- Án số 09/2009/HSST ngày 24/9/2009 của TAQSKV1. Bị cáo Khánh là quân nhân, do nợ nần nhiều nên đã đi cướp tài sản. Nội dung cáo trạng và xét hỏi tại tòa bị cáo đều khai: khi đi qua cửa hàng bán quần áo thấy chị Phạm Thị Mai đang bán hàng. Bị cáo vào cửa hàng giả vờ mua quần áo, quan sát thấy sợi dây xích dùng để khóa cửa đang để trên bàn nên bị cáo lấy và cho vào túi quần. Lợi dụng lúc chị Mai cúi xuống lấy quần cho bị cáo xem, bị cáo đã lấy sợi dây xích xiết cổ chị Mai và lôi vào chỗ thay quần áo cho khách. Khi thấy chị Mai không động đậy, bị cáo đã nói lỏng sợi dây xích khỏi cổ chị Mai thì chị vùng dậy lấy chiếc dép đập vào chân trái bị cáo. Tại phiên tòa, chị Mai cũng khai nội dung như bị cáo đã khai. Tuy nhiên,

trong bản án lại viện dẫn lời khai chị Mai là “tay phải tôi vợ được chiếc dép đập vào người bị cáo” và HĐXX lại nhận định “tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, bị cáo vào cửa hàng vờ hỏi mua quần bò, lợi dụng lúc chị Mai cúi xuống gâm bàn, bị cáo lấy sợi dây xích xiết cổ chị Mai và lôi vào chỗ thay quần áo cho khách, chị Mai cầm vật gì đó đập vào người bị cáo, bị cáo lại xiết dây xích chặt hơn làm nạn nhân không thể chống cự được nữa...” [36].

- Bản án chưa phản ánh được quan điểm tranh luận của bị cáo: Vụ Phạm Nam Hưng- Án số 01/2011/HSST ngày 20/01/2011 của TAQSKV2. Tại phiên tòa, khi tranh luận với KSV, bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nhưng HĐXX không ghi nhận nội dung này trong bản án [36].

- Bản án viện dẫn các chứng cứ (biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản giám định pháp y, kết luận giám định...) để chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo nhưng kiểm tra biên bản phiên tòa không thấy KSV, HĐXX đưa các chứng cứ này ra xem xét tại phiên tòa (Vụ Vũ Đức Duy- Án số 13/2009/HSST ngày 16/9/2009 của TAQSKV2) [32].

2.2.3. Nguyên nhân của những sai sót, hạn chế

Những sai sót, hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân; trong phạm vi luận văn này; tác giả đề cập đến hai nguyên nhân cơ bản là: Nguyên nhân về góc độ pháp luật và nguyên nhân về trình độ, năng lực của đội ngũ thẩm phán, KSV, người bào chữa tham gia việc tranh tụng.

2.2.3.1. Nguyên nhân về góc độ pháp luật

Đây là nguyên nhân sâu xa, cơ bản và quan trọng nhất; đó là một số quy định của pháp luật về tranh tụng còn chưa cụ thể và rõ ràng, cùng một chủ thể tố tụng nhưng đang được giao thực hiện nhiều chức năng tố tụng khác nhau. Thực tiễn, việc HĐXX xét hỏi quá nhiều, KSV ít xét hỏi, việc tranh tụng chưa đi vào chiều sâu...cũng xuất phát từ quy định của pháp luật TTHS giao cho HĐXX nghĩa vụ chứng minh tội phạm (Điều 207 BLTTHS năm 2003; Điều 307 BLTTHS năm 2015). Như vậy, có thể hiểu là HĐXX cũng có chức năng buộc tội trong khi đó chức năng của Tòa án chỉ là xét xử. Chính sự bất cập đó dẫn đến chưa phân định rõ chức năng của các chủ thể tố tụng khi xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; đồng thời

làm giảm đi vai trò buộc tội của KSV (VKS) trong hoạt động tranh tụng. Không những thế, Tòa án còn có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự; trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ, khi thấy lọt người, lọt tội; tiếp tục xét xử khi VKS đã rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa...cũng đang là những nội dung chưa phù hợp với vai trò và chức năng của Tòa án.

Đối với VKS, tại phiên tòa, KSV ngoài việc thực hiện chức năng công tố còn có nhiệm vụ kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án; do đó một mặt làm giảm đi hiệu quả của công tác công tố và cũng phần nào ảnh hưởng đến tính độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử.

Đối với tổ chức và hoạt động của các TAQS, VKSQS hiện nay cũng còn bất cập. TAQS được tổ chức ở ba cấp: TAQS Trung ương (thẩm quyền xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm); TAQS cấp quân khu và tương đương (thẩm quyền xét xử sơ thẩm, phúc thẩm) và TAQS cấp khu vực (thẩm quyền xét xử sơ thẩm) [28]. Hiến pháp 2013 cũng không quy định mối quan hệ hành chính giữa Tòa án các cấp; do đó không tồn tại quan niệm Tòa án cấp trên, Tòa án cấp dưới mà mối quan hệ giữa các Tòa án là quan hệ tố tụng nghĩa là chỉ có Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Tuy nhiên trên thực tế vẫn tồn tại tình trạng Tòa án cấp trên quản lý Tòa án cấp dưới cả về tổ chức, tài chính, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ và làm ảnh hưởng đến tính độc lập của các TAQS. Cùng với đó, việc các TAQS, VKSQS được Bộ Tư lệnh Quân khu giao trực thuộc sự quản lý về hành chính quân sự, tổ chức đảng của Cục Chính trị quân khu hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh nơi có TAQSKV, VKSQSKV nên các hoạt động của Tòa án, VKS thêm nhiều cơ quan quản lý. Cán bộ các TAQS, VKSQS đều là sĩ quan quân đội; hội thẩm quân nhân đều là cán bộ công tác ở các đơn vị quân đội và hoạt động theo chế độ không chuyên trách. Các chế độ, tiêu chuẩn đối với cán bộ đều do quân đội đảm nhiệm; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh tư pháp; tuyển dụng, đào tạo cán bộ...đều phụ thuộc rất lớn vào Đảng ủy Cục Chính trị và Bộ Tư lệnh quân khu trong khi các cơ quan này không chỉ đạo công tác chuyên môn. Ngoài ra; cán bộ TAQS, VKSQS là những sĩ quan quân đội nên đều phải chịu sự điều chỉnh của nguyên tắc mệnh lệnh, chỉ huy trong việc phải đáp ứng các yêu cầu chính trị của địa phương, đơn

vi...Tất cả các yếu tố đó dù ít hay nhiều cũng đang chi phối tới tổ chức và hoạt động của TAQS, VKSQS và tính độc lập trong hoạt động tổ tụng của các cơ quan này. Do đó, đề nghị sớm thực hiện các Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong quân đội theo hướng “giảm đầu mối các cơ quan tư pháp quân đội” đã được Quân ủy Trung ương báo cáo Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương [24]. Cùng với đó, để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng với công tác tư pháp, đề nghị thành lập Ban cán sự Đảng TAQS Trung ương và VKSQS Trung ương, giúp Đảng ủy Quân sự Trung ương lãnh đạo trực tiếp công tác TAQS, kiểm sát quân sự. Mô hình trong tương lai do tổ chức thu gọn đầu mối nên cần xây dựng tổ chức Đảng theo ngành dọc; ngành TAQS, ngành KSQS thành hai Đảng bộ trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương để tập trung sự lãnh đạo và hạn chế sự can thiệp của các cấp ủy đảng cơ sở.

Cùng với đó, các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về thực hiện quy định của BLTTHS năm 2015 còn chưa kịp thời; sự phối hợp giữa VKS và Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm hiệu quả còn hạn chế; chế độ hoạt động phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tư pháp trong xét xử; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án còn thiếu thốn... cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

2.2.3.2. Nguyên nhân về trình độ, năng lực của thẩm phán, kiểm sát viên, người bào chữa

Trình độ năng lực của các chủ thể tranh tụng hiện nay vẫn còn hạn chế. Nhiều KSV vẫn còn quan niệm cho rằng việc xét hỏi tại phiên tòa là trách nhiệm của HĐXX còn KSV chỉ có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng nên KSV chưa chủ động xét hỏi. Việc đưa ra chứng cứ, phân tích, lập luận chứng cứ để bảo vệ cáo trạng của KSV trong nhiều vụ án chưa thuyết phục; chất lượng luận tội, đối đáp còn hạn chế, còn lúng túng khi xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa.

Người bào chữa còn lệ thuộc quá nhiều vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra, VKS thu thập trước đó mà chưa chủ động thu thập chứng cứ và tài liệu để phục vụ việc bào chữa. Việc thực hiện bào chữa theo chỉ định ít tâm huyết mà chỉ mang tính hình thức do chế độ vật chất hiện nay dành cho người bào

chưa còn thấp. Thái độ, phương pháp, kỹ năng tố tụng tại phiên tòa của một số luật sư thiếu tính chuyên nghiệp nên chưa tạo ra được bầu không khí đối tụng mà nhiều khi lại trở thành sự công kích giữa bên bào chữa với bên buộc tội. Với bị cáo, bị hại, phần lớn việc tranh tụng tại phiên tòa với họ rất hạn chế do trình độ, khả năng am hiểu pháp luật chưa cao và vì lý do kinh tế nên hầu như họ ít thuê được luật sư đại diện cho họ để tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với đội ngũ thẩm phán, hội thẩm hiện nay trình độ năng lực chưa đồng đều, việc cập nhật và áp dụng pháp luật; kỹ năng điều khiển phiên tòa, xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa còn nhiều hạn chế. Thẩm phán và hội thẩm còn lệ thuộc nhiều vào kết quả điều tra và những thông tin, tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà chưa quan tâm nhiều tới những ý kiến được các bên trình bày tại phiên tòa; do đó, quyết định của HĐXX có lúc còn mang tính áp đặt, thiếu khách quan.

Tiểu kết Chương 2

Thông qua việc trình bày và phân tích các quy định của BLTTHS năm 2015 (trên cơ sở so sánh với các quy định của BLTTHS năm 2003) về tranh tụng tại phiên tòa HSST và đánh giá thực tiễn thi hành hoạt động này trong quá trình xét xử ở các TAQS Quân khu 2; tác giả rút ra các kết luận sau:

Một là, để đảm bảo hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa HSST cần quy định đầy đủ và phân định rõ ràng về địa vị pháp lý của các chủ thể tranh tụng; có cơ chế bảo đảm cho các chủ thể được bình đẳng với nhau trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa.

Hai là, so với BLTTHS năm 2003, cùng với việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo thì các quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng tại phiên tòa đã đầy đủ và hoàn thiện hơn; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật của các chủ thể tranh tụng.

Ba là, nghiên cứu, so sánh các quy định của pháp luật về tranh tụng tại phiên tòa HSST giữa BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 với thực tiễn xét xử nói chung và tại các TAQS Quân khu 2 nói riêng thời gian qua cho thấy đã xuất hiện một số nội dung còn bất cập, hạn chế gây ảnh hưởng đến việc tranh tụng tại phiên tòa.

Bốn là, từ các sai sót, hạn chế trong quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa sẽ là cơ sở để chỉ ra các nguyên nhân; từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện, hướng dẫn thực các quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST.

Năm là, những hạn chế, vướng mắc trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST có nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân cơ bản, quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của hoạt động này là nguyên nhân về góc độ pháp luật. Đó là một số quy định của BLTTHS năm 2015 còn chưa cụ thể, rõ ràng gây khó khăn trong việc nhận thức và áp dụng pháp luật. Ngoài ra còn có nguyên nhân từ trình độ, năng lực của các chủ thể tranh tụng còn hạn chế nên cũng có tác động ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa thời gian qua.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

3.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

Cải cách tư pháp là một chủ trương lớn của Đảng nhằm từng bước xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN; xây dựng các cơ quan tư pháp thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người đồng thời là công cụ hữu hiệu để bảo vệ pháp luật và pháp chế XHCN. Trong đó “trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của TAND” [11]. Tại khoản 1 Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định “TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” [26]. Như vậy, chỉ có Tòa án mới là cơ quan thực hiện quyền tư pháp; nói đến tư pháp là nói đến lĩnh vực hoạt động xét xử của Tòa án và ngược lại. Theo PGS.TS Nguyễn Đăng Dung thì “tư pháp là một lĩnh vực quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua hoạt động phán xử và phán xét tính đúng đắn, tính hợp pháp của các hành vi, các quyết định pháp luật khi có sự tranh chấp về các quyền và lợi ích giữa các chủ thể pháp luật” [7]. Còn theo PGS. TS Trần Văn Độ thì “quyền tư pháp là quyền ra phán quyết về các vi phạm pháp luật, các tranh chấp theo quy định của pháp luật và về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân...Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, là cơ quan xét xử duy nhất của nhà nước. Vì vậy, xử lý các vi phạm pháp luật bằng chế tài nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực nhà nước đều phải thuộc thẩm quyền của Tòa án” [8]. Theo GS. TS Võ Khánh Vinh thì “Tòa án phải có quyền đánh giá, kết luận về tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định, hành vi tố tụng...” [56]. Do đó, hoạt động xét xử của Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng bởi nó liên quan đến việc “phân xử” và quyết định tính hợp pháp của các vi phạm pháp luật, tranh chấp pháp lý giữa các chủ thể pháp luật và muốn đạt được mục đích đó, một trong những yêu cầu quan trọng là Tòa án phải bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng trong xét xử.

Để thực hiện tốt yêu cầu cải cách tư pháp trong hoạt động tranh tụng; Đảng ta xác định “...việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, người bào chữa, bị cáo ...để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định ” [9]; “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả phiên tòa xét xử, coi đây là hoạt động đột phá của các cơ quan tư pháp ” [11]; “Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự...” [13]. Cùng với đó, trong nhiều nghị quyết, Quốc hội cũng đã đặt ra yêu cầu “KSV phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự...TANDTC chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa...” [25]; “...Nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa, chủ động tham gia xét hỏi, luận tội có căn cứ thuyết phục, đối đáp đầy đủ ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác” [27].

Thực hiện những quan điểm chỉ đạo trên của Đảng, nội dung bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử đã được thể chế hóa trong các quy định của BLTTHS năm 2015. Thực tiễn triển khai thực hiện việc tranh tụng tại các phiên tòa HSST thời gian qua cho thấy các chủ thể tham gia tố tụng tại phiên tòa đã được bình đẳng hơn về địa vị pháp lý; việc xét hỏi, tranh luận dân chủ; bảo đảm tốt hơn quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng và do đó chất lượng xét xử của Tòa án đã được nâng lên một bước.

3.1.2. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền theo Hiến pháp 2013

Ở nước ta, quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Về bản chất, nhà nước pháp quyền là nhà nước dân chủ, nhà nước tôn trọng, đề cao, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân trong đó hệ thống các cơ quan tư pháp là công cụ hữu hiệu để bảo vệ các quyền đó của nhân dân. Nhà nước pháp quyền quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, bởi pháp luật có giá trị xã hội to lớn, mang tính phổ biến, tính chuẩn mực, tính ổn định, tính bắt buộc chung và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà

nước. Với chức năng là xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất, toàn diện, đồng bộ vì con người, cho con người; nhà nước pháp quyền được xây dựng trên nền tảng tư tưởng pháp lý tiến bộ vì quyền công bằng, nhân đạo, dân chủ của con người. Cùng với đó, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, bảo đảm cho mọi công dân đều có quyền tự do, bình đẳng tham gia quản lý đất nước và giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của cơ quan nhà nước. Do đó, dưới góc độ TTTHS, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt một hệ thống các nguyên tắc tổ tụng rất đầy đủ, minh bạch và chặt chẽ đó là những nguyên tắc tổ tụng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Tuân thủ các nguyên tắc này vừa bảo đảm cho việc thực hiện quyền tư pháp thực sự dân chủ, vừa bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đảm bảo thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Trong nhà nước pháp quyền, Tòa án là trung tâm của hệ thống tư pháp; xét xử có vị trí trọng tâm trong các hoạt động tư pháp. Với chức năng là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp; tại khoản 3 Hiến pháp 2013 quy định “Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” [26] do vậy Tòa án là cơ quan thể hiện trực tiếp nhất bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân và là một bộ phận không thể thiếu của bộ máy nhà nước. Trong hoạt động của mình, Tòa án độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đồng thời bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Do vậy, Tòa án chính là cơ quan bảo vệ pháp luật bằng cách áp dụng luật của nhà nước để giải quyết các vi phạm pháp luật, tội phạm và các tranh chấp xảy ra trong đời sống của bản thân bộ máy nhà nước và xã hội. Và vì vậy, có thể xem Tòa án như một khâu trong quá trình chuyển tải quyền lực nhà nước có chứa đựng trong pháp luật vào đời sống xã hội qua việc giải quyết các vụ án liên quan đến quyền và lợi ích của con người. Bằng cách đó mà pháp luật được xem là vì con người, cho con người và đề cao các quyền của con người trên thực tế. Trong quá trình ấy, Tòa án không được tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật để làm biến dạng quyền lực nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Để đảm bảo yêu

cầu đó, hoạt động xét xử của Tòa án phải được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo cho các bên được tranh tụng bình đẳng, dân chủ trước Tòa án; có như vậy, Tòa án mới ra được phán quyết đúng pháp luật. Vì vậy, hoạt động xét xử của Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng bởi về tâm lý và ý thức xã hội thì công dân sẽ đánh giá hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước trực tiếp thông qua sự đánh giá tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án bởi hoạt động của Tòa án quan hệ trực tiếp đến con người. Do đó, đòi hỏi Tòa án phải là biểu tượng điển hình của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, phải thể hiện trực tiếp tính chất dân chủ và công khai trong hoạt động. Theo GS. TS Võ Khánh Vinh thì “việc xét xử công khai thể hiện tính dân chủ nhằm tạo điều kiện cho nhân dân kiểm tra, giám sát được các hoạt động của Tòa án” [55, tr.42]. Tòa án là nơi biểu hiện rõ nhất bản chất của pháp luật mà ở đó, con người tìm thấy lẽ công bằng, tính nhân đạo, chân lý một cách trực tiếp và cụ thể qua các vụ việc cụ thể và đó cũng chính là mục tiêu mà Nhà nước pháp quyền của chúng ta hướng tới.

Thông qua việc xét xử, Tòa án góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, bảo đảm các quyền dân chủ của công dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà Hiến pháp đã ghi nhận. Đồng thời, việc xét xử khách quan, công bằng, dân chủ của Tòa án cũng góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của xã hội, củng cố và tăng cường kỷ cương, kỷ luật, giáo dục các thành viên và cộng đồng trong xã hội có thói quen và nếp sống tuân theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần tạo dựng một trật tự pháp lý, môi trường sống lành mạnh, an toàn, kiểm soát và giải quyết tốt các mối quan hệ trong hành lang pháp luật.

3.1.3. Yêu cầu bảo đảm quyền con người

Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc đã được ghi nhận tại khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013: “Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” [26]. Một xã hội dân chủ thực sự và pháp quyền thì ở đó quyền con người được tôn trọng, bảo đảm một cách đầy đủ, trong đó vai trò quan trọng và hiệu quả nhất để đảm bảo điều đó chính là Tòa án.

Tại Điều 8 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948) ghi nhận “Ai cũng có quyền yêu cầu Tòa án quốc gia có thẩm quyền can thiệp chống lại những hành động vi phạm những quyền căn bản được hiến pháp và luật pháp thừa nhận” [16].

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao nhiệm vụ bảo đảm quyền con người nói chung và quyền con người trong công tác xét xử hình sự nói riêng, đó là “Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người” [11]; “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh...bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân...”[13].

Tiếp thu tinh thần đó; Hiến pháp 2013 và BLTTHS năm 2015 tiếp tục khẳng định các quyền cơ bản của con người và bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên như: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa cho mình...

Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013, liên quan đến nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận các nguyên tắc nhằm đảm bảo tốt hơn quyền con người trong TTHS nói chung và tại phiên tòa nói riêng; đó là: mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền suy đoán vô tội; người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng;

người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, có quyền tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án. Bổ sung đầy đủ quyền của những người tham gia tố tụng, đề cao trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân như: Đối với người bị buộc tội, bổ sung những quyền nhằm giúp họ nắm bắt kịp thời chứng cứ buộc tội làm cơ sở cho việc chuẩn bị bào chữa là: quyền được các cơ quan có thẩm quyền tố tụng cung cấp đầy đủ các quyết định liên quan đến việc buộc tội; quyền trình bày lời khai, đưa ra ý kiến, đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại...; quyền đọc, ghi chép bản sao hoặc tài liệu đã được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra; quyền đưa ra chứng cứ; được hỏi người tham gia phiên tòa nếu Chủ tọa phiên tòa đồng ý... Với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được bổ sung quyền yêu cầu giám định, định giá tài sản; được thông báo kết quả giải quyết vụ án; bị hại được đề nghị mức hình phạt với bị cáo... nhằm giúp họ bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cùng với việc bổ sung trên; Điều 8 BLTTHS năm 2015 cũng xác định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là “phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết” [29]. Đồng thời, BLTTHS năm 2015 đã đổi mới chế định thời hạn tố tụng để không có khoảng trống trong thời hạn áp dụng một số biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân (cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo); rút ngắn thời gian lấy lời khai, xem xét trả tự do cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; rút ngắn thời hạn tạm giam... Ngoài ra, pháp luật TTHS cũng đã thiết lập một cơ chế hữu hiệu để bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, người bị hại và những người thân thích của những người này đồng thời quy định những nội dung nhằm bảo đảm tốt nhất lợi ích cho người chưa thành niên phạm tội...

Như vậy, tranh tụng trong xét xử là một trong những đảm bảo pháp lý để người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng trên của mình. Cùng với đó, thực hiện việc tranh tụng cũng có nghĩa là các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các bên tham gia tranh tụng phải thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình để đảm bảo cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền tố tụng tương ứng. Chỉ trong quá trình tố tụng có sự tranh tụng, người tham gia tố tụng mới có các điều kiện pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án. Tính tranh tụng càng cao thì điều kiện người tham gia tố tụng càng lớn và việc sử dụng các yếu tố tranh tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ càng đạt hiệu quả cao. Tại phiên tòa HSSST, người xét hỏi được Tòa án xét hỏi, được tham gia xét hỏi hoặc yêu cầu xét hỏi người khác. Việc khai báo trước tòa cũng như kết quả xét hỏi là những phương tiện cần thiết để người tham gia tố tụng thực hiện việc chứng minh các tình tiết vụ án liên quan đến họ. Trong phần tranh luận, người tham gia tố tụng tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; họ không bị hạn chế thời gian để trình bày ý kiến về vụ án; đề nghị Tòa án ra phán quyết cụ thể liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ, nếu không đồng ý thì họ có quyền đối đáp. Và do đó, chỉ trên cơ sở tranh luận của các bên thì HĐXX mới có điều kiện cân nhắc, xem xét để ra quyết định đúng đắn, khách quan và đúng pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

3.2.1. Hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng về tranh tụng

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tranh tụng

Mặc dù BLTTHS năm 2015 đã có những ghi nhận, sửa đổi, bổ sung các quy định về tranh tụng như tác giả đã phân tích ở mục 2.1 Chương 2 nhưng những sửa đổi, bổ sung đó là chưa triệt để; vì vậy, tác giả đề xuất hoàn thiện một số nội dung:

- Một là, việc quy định VKS có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án (đã được nêu tại mục 2.1.1.1 Chương 2), tức là **VKS vừa có thẩm quyền buộc tội vừa có thẩm quyền giám sát Tòa án là cơ quan**

đưa ra phán quyết về hoạt động buộc tội của mình nên Tòa án khó có thể bình đẳng và độc lập được. Vì vậy cần loại bỏ chức năng giám sát việc tuân theo pháp luật của VKS, KSV được quy định tại Điều 267 BLTTHS năm 2015 đối với Tòa án (HĐXX) trong giai đoạn xét xử để phù hợp với nguyên tắc tranh tụng, phân định rõ chức năng của các chủ thể và đảm bảo sự bình đẳng giữa chức năng buộc tội và gỡ tội về địa vị pháp lý đồng thời tạo sự độc lập trong quá trình xét xử của Tòa án và tạo điều kiện để VKS hoàn thành tốt hơn chức năng công tố của mình.

- Hai là, nghiên cứu quyền của bị hại (Điều 62 BLTTHS năm 2015) và khoản 2 Điều 309 BLTTHS năm 2015 thì pháp luật mới chỉ cho phép bị hại được “đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo” [29] và tại phiên tòa mới chỉ có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được hỏi bị cáo còn bị hại không được hỏi bị cáo. Điều đó là chưa đảm bảo sự công bằng, nhất là trong trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại nên tác giả kiến nghị bổ sung bổ sung thêm vào đoạn cuối khoản 2 Điều 309 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 309. Hỏi bị cáo

2. Bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi bị cáo về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự”.

- Ba là, từ địa vị pháp lý của Tòa án được nêu tại mục 2.1.2 cho thấy, Tòa án là cơ quan tư pháp có chức năng xét xử và độc lập với bên buộc tội và bên bào chữa; vì vậy quy định HĐXX có quyền khởi tố vụ án là chưa đúng với chức năng của Tòa án vì đó là công việc của chức năng buộc tội. Do đó theo tác giả cần loại bỏ quy định “HĐXX ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm” được quy định tại Điều 18 về trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự; khoản 4 Điều 153 về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự; khoản 7 Điều 326 về nghị án của BLTTHS năm 2015.

- Bốn là, Điều 280 BLTTHS năm 2015 quy định các trường hợp thẩm phán được trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung như hiện nay là chưa hợp lý. Theo đó, cần quy định chỉ khi thẩm phán phát hiện ra những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cản trở đến việc xét xử của HĐXX (ví dụ VKS chưa giao cáo trạng cho bị cáo...) thì mới trả hồ sơ cho VKS. Còn vấn đề chứng cứ đã đủ hay chưa, chứng cứ

nào là chứng cứ quan trọng của vụ án, còn ai đồng phạm nữa không...là trách nhiệm của VKS đối với việc bảo vệ cáo trạng của mình. Toà án không có nhiệm vụ hỗ trợ chức năng buộc tội của VKS. Vì vậy, tác giả đề nghị sửa khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 280. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung

1. *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung khi phát hiện thấy có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc khởi tố, điều tra, truy tố”.*

- Năm là, để mở rộng các chủ thể (KSV, người bào chữa và bị cáo, người tham gia tố tụng khác) cũng có quyền đưa ra yêu cầu, đề nghị chủ tọa phiên tòa áp dụng biện pháp và thời gian cách ly người làm chứng; đề nghị bổ sung và sửa quy định tại khoản 2 Điều 304 BLTTHS năm 2015 là:

“Điều 304. Cam đoan của người làm chứng, cách ly người làm chứng

2. *Theo yêu cầu của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác hoặc khi cần thiết; chủ tọa phiên tòa phải quyết định cách ly người làm chứng để cho họ không nghe được lời khai của nhau hoặc tiếp xúc với những người có liên quan.*

Trường hợp lời khai của người làm chứng và bị cáo có ảnh hưởng lẫn nhau thì chủ tọa phiên tòa phải cách ly bị cáo trước khi hỏi người làm chứng.

Việc cách ly người làm chứng với nhau, hoặc giữa người làm chứng với bị cáo có thể được thực hiện trước khi họ được hỏi về vụ án hoặc khi họ đang trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa”.

- Sáu là, về trình tự xét hỏi, tại Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định Chủ tọa phiên tòa vẫn là người hỏi trước sau đó mới đến thẩm phán, hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Chủ tọa phiên tòa vừa đảm nhiệm việc xét hỏi vừa điều khiển phiên xét hỏi và như vậy trách nhiệm chứng minh tội phạm, dù ít hay nhiều cũng được bắt đầu ngay từ giai đoạn xét hỏi bằng việc hỏi của Chủ tọa phiên tòa và các thành viên HĐXX.

Tác giả cho rằng, Chủ tọa phiên tòa điều hành việc xét hỏi và chỉ hỏi ý kiến của bị cáo về bản cáo trạng; do căn cứ làm phát sinh vụ án hình sự là bản cáo trạng

của VKS và VKS thực hiện chức năng buộc tội nên KSV phải thực hiện việc xét hỏi trước để bảo vệ sự buộc tội đó. Người bào chữa và bị cáo thực hiện chức năng gỡ tội, nên họ thực hiện việc xét hỏi để bào chữa cho bị cáo. Toà án chỉ thực hiện chức năng xét xử và ra phán quyết trong phạm vi giới hạn của sự buộc tội đó. Vì vậy, trách nhiệm chứng minh sự buộc tội thuộc về VKS (KSV); trách nhiệm xác định các tình tiết gỡ tội thuộc về người bào chữa, bị cáo; trách nhiệm xác định đầy đủ, khách quan các tình tiết buộc tội cũng như gỡ tội thuộc về Toà án. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là HĐXX phải chủ động xét hỏi ngay từ ban đầu như hiện nay mà Chủ tọa phiên tòa chỉ điều khiển để các chủ thể khác hỏi và HĐXX xét hỏi sau cùng để xác định rõ và đầy đủ thêm các tình tiết của vụ án nhằm phục vụ cho việc chứng minh các phán quyết của HĐXX trong bản án.

Nghiên cứu pháp luật TTTHS của một số nước được nêu tại mục 1.4 Chương 1 cho thấy: Đối với Hoa Kỳ, thẩm phán có quyền thẩm vấn nhưng họ không hoặc ít khi thẩm vấn; ở Pháp thì việc xét hỏi vẫn do Chủ tọa phiên tòa đảm nhận chính như ở Việt Nam; ở Nhật thì việc thẩm vấn của thẩm phán chỉ là phụ bởi đó là công việc của công tố viên, người bào chữa. Với mô hình tố tụng của chúng ta hiện nay là thẩm vấn kết hợp với các yếu tố ưu việt của tranh tụng, nhất là tranh tụng tại phiên tòa HSST. Do đó cần phải học hỏi kinh nghiệm của các nước trong việc tranh tụng để đảm bảo khắc phục được hạn chế của mô hình thẩm vấn và tận dụng được ưu việt của mô hình tranh tụng. Vì vậy, tác giả đề nghị sửa Điều 307 BLTTTHS năm 2015 theo hướng vẫn quy định Chủ tọa phiên tòa điều hành việc xét hỏi nhưng theo trình tự KSV xét hỏi trước; tiếp theo là người bào chữa, bị cáo và HĐXX xét hỏi sau cùng và chỉ xét hỏi về các tình tiết chưa được các chủ thể trên làm sáng tỏ. Cụ thể là:

“Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc xét hỏi, chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian xét hỏi và phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác đặt câu hỏi nhưng có quyền cắt những câu hỏi có tính gợi ý, vòng vo lặp lại hoặc không liên quan đến vụ án.

2. Khi hỏi từng người, trên cơ sở ý kiến của bị cáo đối với bản cáo trạng được công bố, Chủ tọa phiên tòa điều hành để Kiểm sát viên hỏi trước rồi đến

người bào chữa, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ xét hỏi.

Hội đồng xét xử chỉ hỏi khi xét thấy việc xét hỏi chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa cũng có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.

3. Khi xét hỏi, các tình tiết về từng sự việc và về từng tội của vụ án phải được xác định đầy đủ theo thứ tự xét hỏi hợp lý. Kiểm sát viên hỏi bị cáo trước, khi cần thiết thì có thể hỏi bị hại, người làm chứng trước.

4. Khi xét hỏi, Kiểm sát viên, người bào chữa và Hội đồng xét xử phải xem xét vật chứng trong vụ án; trong quá trình xét hỏi, chủ tọa phiên tòa phải để cho bị cáo, người làm chứng hoặc những người tham gia tố tụng khác trực tiếp xem xét vật chứng và đưa ra lời nhận xét”.

Nếu trình tự xét hỏi được thiết kế lại như vậy thì cũng không mâu thuẫn với nội dung hỏi bị cáo được quy định tại Điều 309 BLTTHS năm 2015 bởi Chủ tọa phiên tòa vẫn là người điều hành việc xét hỏi. Do đó, sau khi KSV công bố cáo trạng thì chủ tọa hỏi để bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết vụ án. Tiếp đó, đến KSV xét hỏi theo trình tự Điều 307 sửa đổi nêu trên là lô gic.

- Bây là, nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 308 BLTTHS năm 2015 cho thấy: việc quy định cho HĐXX có quyền công bố lời khai tại phiên tòa là chưa hợp lý bởi như vậy là thì đã coi HĐXX như một chủ thể chứng minh tại phiên tòa và điều đó sẽ làm cho người tham gia phiên tòa có định kiến là HĐXX đang buộc tội. Do đó, nên sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều này theo hướng HĐXX chỉ công bố lời khai khi có yêu cầu của KSV, người bào chữa hoặc người được xét hỏi khác để đảm bảo sự khách quan của HĐXX trong việc chứng minh tại phiên tòa. Cụ thể là:

“Điều 308. Công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố

1. Hội đồng xét xử chỉ thực hiện việc công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố khi có yêu cầu của Kiểm sát viên, người bào chữa và người được xét hỏi. Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa thì không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; trừ các trường hợp quy định tại khoản 2

Điều này”.

- Tám là, nghiên cứu quy định tại Điều 311 BLTTHS năm 2015 về hỏi người làm chứng; căn cứ vào thực tiễn xét xử thì thấy còn thiếu quy định về việc hỏi người làm chứng là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự mình khai báo được hoặc có nhược điểm về tâm thần; trong những trường hợp này cần phải có người đại diện giúp họ trong việc đưa ra lời khai. Do đó, đề nghị bổ sung thêm nội dung này vào khoản 1 Điều 311 BLTTHS năm 2015 là:

“Điều 311. Hỏi người làm chứng

1. ...

Người làm chứng là người dưới 18 tuổi, người làm chứng có nhược điểm về thể chất mà không tự mình khai báo được hoặc có nhược điểm về tâm thần thì người đại diện của những người này giúp họ trình bày lời khai”.

- Chín là, về trình tự phát biểu khi tranh luận (Điều 320 BLTTHS năm 2015) quy định: sau khi KSV trình bày lời luận tội thì đến bị hại trình bày lời luận tội (trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại). Tiếp đó đến lượt bị cáo trình bày lời bào chữa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo; sau đó đến bị hại, đương sự... trình bày ý kiến là chưa hợp lý. Bởi lẽ, khi phát biểu lời bào chữa, bị cáo phải thể hiện quan điểm của mình không chỉ với lời luận tội của KSV mà còn cả đối với ý kiến của bị hại, đương sự. Vì vậy, cần quy định lại trình tự phát biểu khi tranh luận theo hướng: sau khi KSV trình bày lời luận; đến lượt bị hại (trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại); tiếp đó là bị hại, đương sự, người đại diện của họ trình bày ý kiến...; cuối cùng mới đến bị cáo trình bày lời bào chữa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo. Như vậy sẽ đảm bảo phù hợp với lô gic của trình tự tranh luận và không kéo dài thời gian cuộc tranh luận giữa các bên. Vì vậy, tác giả đề xuất thay đổi lại kết cấu nội dung của các khoản tại Điều 320 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 320. Trình tự phát biểu khi tranh luận

1.....

2. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày, bổ sung ý kiến sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội.

3. Bị hại, đương sự, người đại diện của họ trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của mình; nếu có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì những người này có quyền trình bày, bổ sung ý kiến.

4. Bị cáo trình bày lời bào chữa; người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo; bị cáo, người đại diện của bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa. Trường hợp bị cáo có nhiều người bào chữa thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu người bào chữa cử một người trình bày lời bào chữa, người bào chữa khác có thể trình bày bổ sung. Bị cáo có quyền bổ sung ý kiến bào chữa”.

- Mười là, về quy định trở lại việc xét hỏi tại Điều 323 BLTTHS năm 2015; thực tiễn xét xử cho thấy, nhiều vụ án được trở lại xét hỏi không phải xuất phát từ việc HĐXX thấy cần phải xét hỏi tiếp mà đến từ yêu cầu của KSV, người bào chữa. Do đó, theo tác giả, thẩm quyền quyết định trở lại xét hỏi không nên quy định chỉ đơn phương do HĐXX quyết định mà nên bổ sung thêm KSV, người bào chữa là những chủ thể có trách nhiệm chứng minh tại tòa cũng có quyền đề nghị HĐXX xem xét trở lại việc xét hỏi cho đảm bảo khách quan. Vì vậy, tác giả đề nghị bổ sung thêm nội dung này vào Điều 323 BLTTH năm 2015 là:

“Điều 323. Trở lại việc hỏi

Nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc hỏi; Kiểm sát viên, người bào chữa cũng có quyền đề nghị Hội đồng xét xử trở lại xét hỏi. Sau khi xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận”.

- Mười một là, nghiên cứu nội dung Điều 325 BLTTHS năm 2015 quy định về xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa cho thấy: Bản chất của xét xử là việc Tòa án như một trọng tài đứng ra phân xử và phán quyết khi tồn tại sự cáo buộc của bên này với bên kia. Chức năng xét xử của Tòa án chỉ có hai mục đích là nhân danh công lý và Nhà nước để kết luận một người phạm tội hay không phạm tội. Do đó, tuyên bố một người phạm tội nào đó phải dựa trên sự buộc tội và tất nhiên cần xét xử, ngược lại không có sự buộc tội thì sự tuyên bố của Tòa án sẽ không có ý nghĩa bởi không ai buộc tội bị cáo thì đương nhiên không có tội và không cần thiết phải xét xử nữa. Như vậy, nếu sau khi xét hỏi

mà KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì đương nhiên phiên tòa không có luận tội của VKS và hệ quả là sẽ không có tranh luận giữa KSV với bị cáo, người bào chữa, bị hại... mà Tòa án vẫn ra bản án thì bản án đó có thể coi là trái pháp luật. Mặt khác, nếu VKS đã rút quyết định truy tố mà Tòa án vẫn xét xử thì Tòa án đã làm thay chức năng buộc tội của VKS dẫn đến tình trạng Tòa án vừa buộc tội, vừa xét xử và ảnh hưởng đến tính khách quan, độc lập xét xử của Tòa án, xâm phạm đến quyền lợi của người bị buộc tội.

Vì vậy, tác giả đề nghị sửa Điều 325 theo hướng khi KSV rút một phần quyết định truy tố thì HĐXX chỉ xét xử phần quyết định truy tố không bị rút; khi KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì HĐXX ra quyết định đình chỉ vụ án. Cũng có ý kiến cho rằng trong trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội. Quan điểm này là chưa đúng vì khi quyết định truy tố (cáo trạng) đã bị rút thì HĐXX không còn căn cứ gì để xét xử nữa nên vụ án phải được đình chỉ; hơn nữa, khi VKS không truy tố, không buộc tội thì Tòa án không thể tuyên bị cáo không phạm tội được. Vì vậy; cần sửa Điều 325 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Điều 325. Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa

1. Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử xét xử phần còn lại; nếu Kiểm sát viên kết luận về tội bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố bị cáo thì Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

2. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án”.

Từ việc sửa hai điều luật này, tác giả đề nghị bỏ quy định tại khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 về việc xử lý của Hội đồng xét xử khi nghị án trong trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố.

3.2.1.2. Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tranh tụng

Để thực hiện có hiệu quả các quy định của BLTTHS năm 2015 trong việc tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở các nội dung đã phân tích ở Chương 2; tác giả kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn thực hiện các nội dung sau:

- Một là, về nội dung cam đoan của người làm chứng, cách ly người làm chứng (Điều 304 BLTTHS năm 2015): Cần hướng dẫn thống nhất hình thức người làm chứng cam đoan khai trung thực tại phiên tòa. Tác giả đề xuất Tòa án cần quy định thống nhất mẫu lời cam đoan khai trung thực sử dụng cho người làm chứng. Khi phổ biến nội quy phiên tòa, thư ký Tòa án phát cho người làm chứng để họ ký và thực hiện việc cam đoan bằng việc đọc cam đoan này tại phiên tòa sau đó nộp lại cho thư ký để lưu vào hồ sơ vụ án.

- Hai là, tại điểm b khoản 2 Điều 72 BLTTHS năm 2015 mới chỉ quy định người bào chữa có thể là “người đại diện của người bị buộc tội” [29]. Trong điều kiện xã hội hiện nay, không phải bị cáo nào cũng có điều kiện kinh tế để nhờ luật sư bào chữa cho mình. Trong khi nhiều trường hợp ông, bà, bố mẹ, anh chị em ruột, họ hàng, bạn bè thân thích của bị cáo có đủ trình độ hiểu biết pháp luật; không thuộc trường hợp cấm không được làm người bào chữa và được bị cáo nhờ bào chữa thì lại chưa được pháp luật ghi nhận. Do đó, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cần mở rộng phạm vi người có quyền bào chữa đến các đối tượng trên.

+ Để đảm bảo quy định Điều tra viên và những người khác có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập (Điều 296 BLTTHS năm 2015). Đề nghị cần giải thích tư cách tham gia tố tụng; quyền và nghĩa vụ pháp lý tại phiên tòa của Điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụ lý, giải quyết vụ án và những người khác được HĐXX triệu tập đến phiên tòa để trình bày về các vấn đề liên quan đến vụ án.

+ Về thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 trong trường hợp Tòa án xét xử tội danh nặng hơn tội danh VKS đã truy tố: Ví dụ, VKS truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”; Tòa án nghiên cứu hồ sơ thấy cần phải xét xử bị cáo về tội “Giết người” mới chính xác nên đã trả hồ sơ cho VKS điều tra bổ sung. Sau đó VKS vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” nên không thay đổi cáo trạng. Luật sư bào chữa cho bị cáo trong quá trình tranh tụng với KSV tại phiên tòa cũng đồng tình với tội “Cố ý gây thương tích”. Vậy HĐXX xét xử sẽ giải quyết như thế nào khi mà bên buộc tội và bên gỡ tội đều không tranh tụng về tội mà HĐXX thấy cần phải áp dụng với bị cáo ? Mặt khác, nếu

Tòa án thấy cần xử bị cáo tội danh nặng hơn tội danh VKS đã truy tố nhưng VKS không nhất trí thay đổi tội danh mà tội danh đó vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cùng cấp thì HĐXX sẽ xử bị cáo theo tội nặng hơn như thế nào khi mà KSV và người bào chữa, bị cáo không tranh tụng gì về các hành vi liên quan đến tội nặng hơn đó. Ngược lại, nếu tội nặng hơn đó lại không thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án đó mà thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp trên thì HĐXX giải quyết như thế nào ?

+ Hướng dẫn quy trình thực hiện việc xét hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại khoản 5 Điều 311 BLTTHS năm 2015.

3.2.2. Tiếp tục đổi mới tổ chức hệ thống tư pháp hình sự và các chế định hỗ trợ tư pháp

Cùng với việc tiếp tục thực hiện các mục tiêu, quan điểm, phương hướng cải cách tư pháp tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp nhiệm kỳ 2016-2021, cần quán triệt và thực hiện tốt chủ trương “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại...”[14]. Cụ thể là:

Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính của thủ trưởng cơ quan với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp của cán bộ được giao thực hiện các hoạt động tư pháp. Thực hiện nghiêm chủ trương “đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với việc cải cách các thủ tục hành chính tư pháp”[15].

Đối với Tòa án, cần cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án và hoạt động xét xử; nghiên cứu để “sớm tổ chức mô hình Tòa án khu vực” [12] bởi với mô hình tổ chức Tòa án theo đơn vị hành chính như hiện nay thì nhiều nơi hoạt động của Tòa án đang chịu sự chi phối của chính quyền và cấp ủy đảng địa phương và điều đó đã làm giảm đi tính độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử. Cùng với đó, cần đổi mới về nhận thức về vị trí, vai trò của các Tòa án. Theo đó, các Tòa án là độc lập với nhau, cùng có chức năng, nhiệm vụ là thực hiện quyền tư pháp, vì vậy nếu giữa các Tòa án không được độc lập với nhau; không có sự độc lập giữa thẩm phán, hội thẩm trong xét xử thì sẽ không có

nền tư pháp minh bạch, công bằng. Do đó, cần xóa bỏ việc hành chính hóa các Tòa án như đã nêu ở Chương 2 để xóa bỏ các rào cản cản trở các Tòa án trong việc thực thi nhiệm vụ.

Với VKS, cần được tổ chức lại cho phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư, phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, chất lượng. Phát triển các tổ chức hành nghề luật sư quy mô nhỏ và vừa thành các tổ chức hành nghề luật sư có quy mô lớn, có tính chuyên nghiệp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động của luật sư để đảm bảo các tổ chức này phát triển đúng hướng.

Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện. Xây dựng mạng lưới trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội để trợ giúp họ trong hoạt động tố tụng. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ trợ giúp viên pháp lý trong quân đội. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách; quy định chặt chẽ trình tự, quy chuẩn và cơ chế bảo đảm tính khoa học, khách quan trong hoạt động giám định. Có chính sách thu hút các nguồn lực, khuyến khích người có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp tham gia vào hoạt động giám định tư pháp. Nghiên cứu thành lập cơ quan giám định tư pháp ở cấp huyện để kịp thời giám định trong các trường hợp thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, bệnh lý tâm thần, giám định cơ học... phục vụ kịp thời cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử ở địa phương và tạo thuận lợi cho người dân.

3.2.3. Nâng cao trình độ, năng lực của các chủ thể tranh tụng

Các cơ quan tư pháp cần xây dựng chế độ tự học tập nghiên cứu các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bản lĩnh nghề nghiệp đối với cán bộ có chức danh tư pháp. Đổi mới phương thức tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho thẩm phán, hội thẩm, KSV; luật sư nhất là trong các lĩnh vực như chứng khoán, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng, xây dựng, kỹ năng tranh tụng...

Đổi mới công tác đào tạo, kết hợp giữa đào tạo cán bộ quản lý với đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài. Tổ chức

các hội nghị học tập, bồi dưỡng kiến thức trực tuyến cho cán bộ có chức danh tư pháp đến cấp huyện. Chú trọng đào tạo cho cán bộ có chức danh tư pháp, hội thẩm, luật sư về lý luận chính trị; đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức quốc phòng an ninh; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc; kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước; kiến thức và kinh nghiệm hội nhập quốc tế. Ngoài ra cần có chế tài xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, vi phạm quy chế công tác; đào tạo lại đối với cán bộ có chức danh tư pháp chưa đủ điều kiện bổ nhiệm lại. Kết hợp đào tạo chuyên sâu với đào tạo cán bộ có kiến thức tổng hợp; đào tạo tại nhà trường và bồi dưỡng, truyền đạt kinh nghiệm tại từng cơ quan tư pháp. Tổ chức hợp tác quốc tế về tư pháp trọng tâm là lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập về tư pháp quốc tế và hoạt động phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài, khủng bố quốc tế...

Tăng cường phối hợp giữa VKS và Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm; thông qua đó kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác áp dụng pháp luật; kỹ năng điều hành phiên tòa, kỹ năng xét hỏi và tranh luận cho HĐXX, KSV.

Xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá chất lượng công tác của cán bộ; xây dựng bộ quy tắc ứng xử đối với các chức danh tư pháp; quy chuẩn chức danh cán bộ tư pháp. Nghiên cứu để bổ nhiệm không kỳ hạn với thẩm phán; cải tiến chế độ tiền lương, phụ cấp, các chế độ đặc thù, tăng độ tuổi nghỉ hưu của các chức danh tư pháp cho phù hợp. Tổ chức các cuộc thi thẩm phán giỏi, KSV giỏi để trao đổi, rút kinh nghiệm công tác và tôn vinh các điển hình tiên tiến.

Đối với các cơ quan tư pháp trong quân đội, hiện nay đều trong tình trạng thiếu cán bộ có chức danh tư pháp do quy định của luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam quy định giới hạn về độ tuổi phục vụ. Do đó, số thẩm phán, KSV, điều tra viên trung cấp với quân hàm cao nhất là thượng tá và phải nghỉ hưu ở độ tuổi 54 khi mà trình độ, năng lực công tác đang ở giai đoạn tốt nhất trong khi việc tuyển dụng cán bộ đầu vào rất khó khăn và mất nhiều thời gian đào tạo, tích lũy kinh nghiệm. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng công tác cán bộ và hiệu quả công tác; đề nghị cấp có thẩm quyền cần nghiên cứu có cơ chế đặc thù cho số cán bộ này, tránh tình trạng

ngiht huu quá sớm như hiện nay vừa lãng phí nguồn nhân lực đã được đào tạo, có kinh nghiệm công tác vừa tạo ra sức ép công việc không đáng có trong hoạt động của các cơ quan tư pháp quân đội.

Đối với tổ chức luật sư: Cần tăng cường các hoạt động bồi dưỡng về nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề tạo sự chuyển biến mới về chất lượng đội ngũ luật sư. Đào tạo bồi dưỡng luật sư tư vấn và tranh tụng quốc tế, tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo, tạo cơ hội cho luật sư giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm. Xây dựng cơ chế khuyến khích luật sư tham gia trợ giúp pháp lý.

3.2.4. Tăng cường các bảo đảm cho việc tranh tụng

Cùng với các giải pháp trên, để nâng cao chất lượng tranh tụng, trước hết cần phải đảm bảo cơ chế thực hiện quyền xét xử của Tòa án các cấp thống nhất trong cơ chế tổng thể thực hiện quyền lực nhà nước và phải đảm bảo cho Tòa án độc lập, chỉ tuân theo pháp luật trong việc xét xử bởi Tòa án có độc lập thì thẩm phán, hội thẩm mới có thể độc lập. Do đó cần có cơ chế phân định rõ mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan quyền lực nhà nước khác; giữa Tòa án với các cơ quan tố tụng; giải quyết mối quan hệ giữa các cấp xét xử của Tòa án; giữa lãnh đạo Tòa án với các thẩm phán, hội thẩm. Hoàn thiện mối quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử của Tòa án trong đó phân biệt rõ lãnh đạo của tổ chức đảng với lãnh đạo công tác xét xử. Cần chấm dứt tình trạng họp ba ngành (điều tra, kiểm sát, tòa án) để giải quyết một vụ án cụ thể hay sự can thiệp của thường vụ cấp ủy đảng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

Nghiên cứu để tăng thêm quyền hạn cho KSV tại phiên tòa có quyền thay đổi tội danh truy tố cho phù hợp với thực tế tranh tụng và KSV phải là người chịu trách nhiệm về kết luận vụ án đó chứ không phải là người ký cáo trạng. Để thống nhất và thực hiện có hiệu quả các quy định của BLHS, BLTTHS năm 2015; các cơ quan tư pháp trung ương cần tích cực tổ chức các hội nghị, hội thảo để tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tư pháp; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung pháp luật mới sửa đổi, bổ sung và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân. Cùng với đó, việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các cơ quan tư pháp trong thời gian tới cần được đồng bộ để thực hiện tốt

việc tranh tụng tại phiên tòa (ví dụ cần đảm bảo kết nối mạng viễn thông để phục vụ cho việc hỏi người làm chứng theo quy định tại khoản 5 Điều 311 BLTTHS năm 2015; đảm bảo trang thiết bị phục vụ cho việc số hóa tài liệu, ghi âm, ghi hình; bố trí bàn để vật chứng...). Tăng cường trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin đến các TAQS trong toàn quân để phục vụ cho công tác xét xử.

Tiểu kết Chương 3

Qua việc trình bày các nội dung tại Chương 3, tác giả rút ra các kết luận sau:

Một là, việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử hình sự nói chung và phiên tòa HSST nói riêng cần đảm bảo được các yêu cầu chủ yếu là: yêu cầu cải cách tư pháp; yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tố tụng.

Hai là, xuất phát từ nguyên nhân của những sai sót, hạn chế trong thực tiễn thi hành các quy định của BLTTHS về tranh tụng trong hoạt động xét xử được nêu tại Chương 2. Tác giả đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 trong đó đề nghị loại bỏ những nội dung đang ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng xét xử của Tòa án (chức năng kiểm sát xét xử của VKS; HĐXX có quyền khởi tố vụ án; thẩm phán chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ điều tra bổ sung). Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều luật liên quan đến việc rút quyết định truy tố của VKS; việc xét hỏi và trình tự tranh luận tại phiên tòa... để đảm bảo sự lô gic, khoa học và phản ánh đúng bản chất của tranh tụng tại phiên tòa.

Ba là, cùng với đó, tác giả đưa ra ba giải pháp về việc đổi mới tổ chức hệ thống tư pháp hình sự; nâng cao trình độ, năng lực cho các chủ thể tranh tụng và các bảo đảm khác nhằm phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST trong thời gian tới.

Bốn là, trong các giải pháp chung nêu trên, tác giả cũng nêu lên một số nội dung đặc thù có liên quan đến các cơ quan tư pháp trong quân đội và kiến nghị cấp có thẩm quyền nghiên cứu để thực hiện có hiệu quả hoạt động tranh tụng tại các phiên tòa xét xử của TAQS nói chung cũng như hoạt động TTHS được thực hiện tại các cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội nói riêng.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử hình sự là một yêu cầu quan trọng bảo đảm cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, việc nghiên cứu đề tài về tranh tụng tại phiên tòa HSST từ đó làm sâu sắc hơn các vấn đề về lý luận cũng như các quy định của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng, nêu ra những sai sót, hạn chế và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tác giả đã cố gắng nêu lên một số kết quả nghiên cứu sau:

1. Tranh tụng trong TTHS là quá trình tranh luận bình đẳng, công khai về chứng cứ của vụ án và quan điểm áp dụng pháp luật giữa các chủ thể của bên buộc tội và bên bào chữa tham gia vào quá trình TTHS nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

2. Tranh tụng tại phiên tòa HSST là tổng hợp những hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS được các chủ thể bên buộc tội và bên bào chữa thực hiện công khai tại phiên tòa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, lập luận của mình và phản bác chứng cứ, lập luận của bên kia về vụ án dưới sự điều khiển, quyết định của HĐXX nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận quan điểm của mình trong việc giải quyết vụ án.

3. Tranh tụng tại phiên tòa HSST có những đặc điểm: Về chủ thể tranh tụng bao gồm chủ thể bên buộc tội (VKS, KSV), bị hại; chủ thể bên gỡ tội (bị cáo, người bào chữa). Chủ thể có chức năng xét xử (HĐXX) và các chủ thể khác tham gia vào hoạt động tranh tụng. Về nội dung tranh tụng thể hiện ở việc bên buộc tội và bên gỡ tội làm rõ và tranh luận với nhau về việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật dưới sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Phạm vi tranh tụng giữa các bên là giới hạn sự cáo buộc của bên buộc tội (giới hạn truy tố) với bên gỡ tội. Thủ tục tranh tụng giữa các bên được quy định chặt chẽ trong BLTTHS.

4. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa HSST có ý nghĩa rất quan trọng trên cả ba phương diện chính trị, xã hội và pháp lý. Nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của

tranh tụng trong xét xử là yếu tố quan trọng để xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về tranh tụng trong TTHS cũng như nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự.

5. Chất lượng tranh tụng tại phiên tòa HSST chịu sự tác động và chi phối bởi chất lượng các quy phạm pháp luật về tranh tụng; chức năng và tổ chức của các cơ quan tư pháp; trình độ năng lực của các chủ thể tranh tụng và các bảo đảm khác phục vụ cho hoạt động này. Việc nghiên cứu các yếu tố đó và mô hình tranh tụng tại phiên tòa HSST theo pháp luật TTHS một số nước giúp chúng ta xây dựng một mô hình TTHS phù hợp với điều kiện hoàn cảnh Việt Nam, bảo đảm tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, bảo đảm quyền con người, phù hợp với xu hướng vận động, phát triển chung của cải cách tư pháp nước ta và các nước như định hướng được xác định trong các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp.

6. Nghiên cứu những điểm mới, tiến bộ về tranh tụng trong các quy định của BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003 về địa vị pháp lý của các chủ thể tranh tụng; các quy định chung về phiên tòa HSST và đặc biệt là các quy định xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Đối chiếu với việc thực hiện các quy định này qua thực tế xét xử để kiến giải một số nội dung còn hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chức năng của VKS; chức năng của Tòa án và một số nội dung liên quan đến việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa trong thời gian qua.

7. Cùng với việc nêu lên một số hạn chế, bất cập của pháp luật về tranh tụng nói chung. Từ thực tiễn xét xử tại các TAQS Quân khu 2; cùng với một số kết quả đã đạt được là chủ yếu, tác giả nêu lên một số sai sót, hạn chế là: tỷ lệ tham gia của người bào chữa trong hoạt động tố tụng còn thấp; việc tranh tụng tại phiên tòa nhiều vụ còn hình thức; giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị cáo, người tham gia tố tụng còn chưa đầy đủ; phương pháp, trình tự xét hỏi chưa hợp lý; chất lượng tranh luận, đối đáp của KSV, người bào chữa chưa cao; bản án có vụ còn chưa phản ánh được đầy đủ kết quả tranh tụng tại phiên tòa...

8. Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân nhưng tập trung nhất đó là một số quy định của BLTTHS về tranh tụng còn bất cập; trình độ, năng lực của KSV, thẩm phán, hội thẩm, luật sư còn hạn chế.

9. Việc thực hiện tốt các yêu cầu cải cách tư pháp, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền; yêu cầu bảo đảm quyền con người là cơ sở cho việc đảm bảo tranh tụng trong TTHS nói chung cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại các phiên tòa HSST nói riêng.

10. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả nêu lên ba nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa HSST trong đó tập trung ở nhóm giải pháp trước mắt là hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015. Về lâu dài cần thực hiện tốt ba giải pháp là: nghiên cứu để tiếp tục đổi mới tổ chức hệ thống các cơ quan tư pháp; nâng cao trình độ, năng lực cho các chủ thể tranh tụng; bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất khác cho hoạt động tranh tụng. Cùng với các nội dung chung được nêu trong bốn giải pháp; tác giả cũng kiến nghị một số giải pháp liên quan đến việc nâng cao chất lượng tranh tụng trong quá trình xét xử các vụ án hình sự theo trình tự sơ thẩm tại các TAQS./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tư pháp (1999), *Chuyên đề Tư pháp hình sự so sánh*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2004), *Quyết định số 79/2004/QĐ- BQP ngày 07/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phân định địa bàn xét xử của các TAQS*, Hà Nội.
3. Ban biên soạn chuyên từ điển New Era (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Ban biên soạn chuyên từ điển New Era (2005), *Từ điển Việt- Anh (Vietnamese- English Dictionary)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Phan Văn Ba và Phan Xuân Thảo (2012), *Everyday American Law*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
6. C.Mac và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Dung (2004), *Sách chuyên khảo “Thế chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền”*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Trần Văn Độ, “Quyền tư pháp phải do duy nhất Tòa án thực hiện”, truy cập website Báo Công lý ngày 12/02/2013 tại địa chỉ <http://congly.vn/hoat-dong-nganh/pgs-ts-tran-van-do-pho-chanh-an-tandtc-chanh-an-taqstu-quyen-tu-phap-phai-do-duy-nhat-toa-an-thuc-hien-17884.html>.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
10. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2010), *Kết luận số 79-NQ/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị*, Hà Nội.

13. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội lần thứ XII*, Hà Nội.
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị BCHTW lần thứ sáu*, Hà Nội.
16. Đại hội đồng Liên Hiệp quốc (1948), *Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948)*, truy cập website Thư viện pháp luật tại địa chỉ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948/65774/noi-dung.aspx>.
17. Phạm Hồng Hải (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Mạnh Kháng (2003), “Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (Số 10/2003).
19. Nguyễn Đức Mai, “Đặc điểm của mô hình tố tụng tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam”, Cổng thông tin điện tử trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, truy cập ngày 25/3/2018 tại địa chỉ <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/296>.
20. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1998), *Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp*, Hà Nội.
21. Nguyễn Thái Phúc (2003), “Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (Số 9).
22. Nguyễn Thái Phúc (1995), “Một số vấn đề về quyền công tố”, *Kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ “Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam*, VKSNDTC.
23. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
24. Quân ủy Trung ương (2011), Báo cáo số 237- BC/ĐU ngày 21/6/2011 về kết quả xây dựng các Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong Quân đội, Hà Nội.

25. Quốc hội (2012), Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/1012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, Hà Nội.
26. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2013), Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, Hà Nội.
28. Quốc hội (2014); *Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24/11/2014*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
30. Nguyễn Trương Tín (2010), “Một số vấn đề về sự tham gia tranh tụng của người bị hại và nguyên đơn dân sự tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp”, *Tạp chí Luật học*, (Số 3/2010).
31. Tòa án nhân dân tối cao (2002); *Công văn số 290 ngày 05/11/2002 của TANDTC kết luận của hội thảo tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Hà Nội.
32. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 119/TB-TA ngày 31/12/2009 kiểm tra án quý 4 năm 2009*.
33. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 23/TB-TA ngày 31/3/2010 kiểm tra án quý 1 năm 2010*.
34. Tòa án quân sự Quân khu 2 (2010), *Thông báo số 89/TB-TA ngày 29/9/2010 kiểm tra án quý 3 năm 2010*.
35. Tòa án quân sự Quân khu 2 (2010), *Thông báo số 122/TB- TA ngày 29/12/2010 kiểm tra án quý 4/2010*.
36. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 29/TB-TA ngày 30/3/2011 kiểm tra án quý 01 năm 2011*.
37. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 105/TB-TA ngày 22/9/2011 kiểm tra án quý 3 năm 2011*.
38. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 05/TB-TA ngày 06/01/2012 kiểm tra án quý 4 năm 2011*.
39. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 92/TB-TA ngày 27/9/2012 kiểm tra*

án quý 3/2012.

40. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Biên bản phiên tòa vụ Nguyễn Tuấn Phương- Án số 01/2012/HSST ngày 27/12/2012.*
41. Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 2, *Biên bản phiên tòa vụ Nguyễn Văn Hiến- Án số 03/2013/HSST ngày 11/7/2013.*
42. Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 2, *Biên bản phiên tòa vụ Trần Trung Kiên- Án số 04/2013/HSST ngày 02/8/2013.*
43. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Biên bản phiên tòa vụ Lê Hồng Xuyên- Án số 06/2013/HSST ngày 08/8/2013.*
44. Tòa án quân sự Khu vực 1- Quân khu 2 (2017), *Quyết định đình chỉ vụ án số 03/2017/HSST- QĐ ngày 08/5/2017.*
45. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Thông báo số 146/TB-TA ngày 29/9/2017 kiểm tra án quý 3 năm 2017.*
46. Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 2, *Biên bản phiên tòa vụ Nguyễn Trọng Biên- Án số 05/2017/HSST ngày 27/12/2017.*
47. Tòa án quân sự Quân khu 2 (2018), *Bản án số 02/2018/HSST ngày 13/6/2018.*
48. Tòa án quân sự Quân khu 2, *Báo cáo tổng kết công tác các năm từ 2008 đến 2018*
49. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản*, Cổng thông tin điện tử trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, truy cập ngày 24/3/2018 tại địa chỉ <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/146>.
50. Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa & NXB Tư pháp, Hà Nội.
51. Viện ngôn ngữ thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2007), *Từ điển Việt - Pháp (Dictionnaire Vietnamien- Francais)*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
52. Hoàng Việt Vỹ (2009), “Đề lời luận tội có chất lượng cao”, *Tạp chí Kiểm sát*, (Số 7/2009).
53. Nguyễn Quốc Việt (1996), “Bàn về các nguyên tắc TTHS khi xây dựng BLTTHS (sửa đổi)”, *Tạp chí Luật học*. (Số 2/1996).

54. Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa & NXB Tư pháp
55. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
56. Võ Khánh Vinh (2014), *Hội thảo khoa học “Quyền tư pháp và việc cụ thể hóa quyền tư pháp trong Luật tổ chức TAND (sửa đổi)”*, truy cập tại địa chỉ <https://congly.vn/thoi-su/tieu-diem/quyen-tu-phap-duoi-goc-nhin-cua-cac-nha-khoa-hoc-va-chuyen-gia-phap-luat-53208.html> ngày 12/6/2014.
57. Võ Khánh Vinh (2015), *Kết luận Hội thảo khoa học “Các chức năng của tố tụng hình sự trong bối cảnh Cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay”* ngày 28/11/2015 tại Học viện KHXH, truy cập tại địa chỉ <http://gass.edu.vn/Detail.aspx?ArticleID=2895&CatdID=225&CatdIDParent=226> ngày 08/01/2016.